

Số -BC/TU
(Dự thảo lần 6)

Lai Châu, ngày tháng 8 năm 2025

**TĂNG CƯỜNG XÂY DỰNG ĐẢNG BỘ VÀ HỆ THỐNG
CHÍNH TRỊ TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH; PHÁT HUY SỨC
MẠNH ĐOÀN KẾT, BẢN SẮC VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC, Ý CHÍ
TỰ LỰC, TỰ CƯỜNG; ĐẨY MẠNH ĐỔI MỚI SÁNG TẠO; HUY
ĐỘNG MỌI NGUỒN LỰC, TẬP TRUNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ,
XÃ HỘI BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG, AN NINH; XÂY DỰNG TỈNH
LAI CHÂU PHÁT TRIỂN XANH, NHANH, BỀN VỮNG**

(Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV
trình Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV)

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lai Châu lần thứ XV là sự kiện chính trị quan trọng của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Đại hội diễn ra trong thời điểm tỉnh Lai Châu đạt được nhiều thành tựu to lớn sau 20 năm chia tách, thành lập, đóng góp vào thành tựu chung cả đất nước sau 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới. Với phương châm **“Đoàn kết, dân chủ, kỷ cương, sáng tạo, phát triển”**, Đại hội có nhiệm vụ kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020-2025, xác định mục tiêu, nhiệm vụ nhiệm kỳ 2025-2030 với quyết tâm chính trị cao nhất, phấn đấu đến năm 2030 đưa Lai Châu phát triển xanh, nhanh, bền vững.

Phần thứ nhất

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI
ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XIV, NHIỆM KỲ 2020-2025**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó dự báo. Cạnh tranh chiến lược nước lớn, xung đột một số khu vực gia tăng căng thẳng hơn; tăng trưởng kinh tế toàn cầu sụt giảm nghiêm trọng, lạm phát tăng cao; đại dịch Covid-19 gây hậu quả nặng nề, kéo dài, ảnh hưởng đến quá trình phát triển đất nước. Lai Châu là tỉnh còn nhiều khó khăn, thiếu nguồn lực đầu tư cho phát triển; hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đồng bộ, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng thông tin; xa các trung tâm kinh tế lớn, khả năng tiếp cận thị trường, phát triển kinh tế hàng hóa nhiều hạn chế; thiên tai, dịch bệnh xảy ra hằng năm; an ninh trật tự ở một số địa bàn còn tiềm ẩn phức tạp, các thế lực thù địch luôn lợi dụng các vấn đề dân tộc, tôn giáo, nhân

quyền để thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình”, chia rẽ khối đại đoàn kết các dân tộc, ảnh hưởng đến quá trình phát triển của tỉnh.

Với ý chí, quyết tâm cao, Đảng bộ, chính quyền, Nhân dân các dân tộc trên địa bàn tỉnh đã đoàn kết, nỗ lực thực hiện đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV và đạt được nhiều kết quả quan trọng, toàn diện trên các lĩnh vực.

I- KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

Công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức được chú trọng và có nhiều chuyển biến, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng¹. Các cấp ủy luôn giữ vững nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu. Triển khai tốt Đề án nâng cao chất lượng công tác tư tưởng; đổi mới nội dung, phương pháp, phát huy vai trò các lực lượng làm công tác tư tưởng². Đẩy mạnh và đổi mới việc quán triệt, học tập, tuyên truyền và nâng cao chất lượng cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết của Đảng³; đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác quan điểm sai trái, thù địch⁴; kịp thời nắm tình hình và định hướng dư luận xã hội⁵. Việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với xây dựng, chỉnh đốn Đảng và thực hiện quy định nêu gương được triển khai đầy đủ, đồng bộ, kịp thời, sáng tạo. 100% tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị xây dựng và thực hiện chuẩn mực đạo đức công vụ.

Công tác xây dựng Đảng về tổ chức được triển khai thực hiện đồng bộ, chặt chẽ, với quyết tâm chính trị cao nhất. Đã thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và thực hiện mô hình chính quyền địa

¹ Hằng năm, bình quân 92,28% tổ chức cơ sở đảng được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, tăng 2,28% so với nhiệm kỳ trước

² Tính đến 30/6/2025, toàn tỉnh có 362 báo cáo viên các cấp; chất lượng đội ngũ báo cáo viên các cấp và tuyên truyền viên cơ sở ngày càng nâng lên (100% Báo cáo viên Trung ương, báo cáo viên cấp tỉnh có trình độ chuyên môn từ Đại học trở lên, trình độ lý luận chính trị cao cấp/cử nhân. Từ ngày 1/7/2025, tỉnh có 96 báo cáo viên Trung ương của tỉnh, cấp tỉnh và đảng bộ trực thuộc. Số lượng tuyên truyền viên cơ sở không đổi, có 1.390 đồng chí (61,3% có trình độ chuyên môn Đại học trở lên)

³ Trong nhiệm kỳ tổ chức 52.007 hội nghị học tập, quán triệt, nghị quyết, chỉ thị, kết luận của tỉnh; tăng cường độ tổ chức hội nghị, căn cứ vào số lượng chỉ thị, nghị quyết giảm từ 3 tháng tổ chức 1 hội nghị thành 2 tháng hoặc 1 tháng tổ chức hội nghị; Tỷ lệ đảng viên tham gia học bình quân đạt 97%; cán bộ, công chức, viên chức chưa là đảng viên đạt trên 96%.

Tỉnh ủy ban hành 8 nghị quyết chuyên đề, 40 chương trình, 226 kế hoạch, 22 chỉ thị, 601 kết luận và 09 đề án để triển khai thực hiện

⁴ Đa dạng hóa các hình thức, phương tiện tuyên truyền: tuyên truyền miệng của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; tuyên truyền qua các cơ quan Báo Lai Châu, Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh (nay là Báo và Phát thanh - Truyền hình Lai Châu); qua các phương tiện thông tin, truyền thông (hệ thống loa truyền thanh cơ sở; trang thông tin điện tử, cổng thông tin điện tử), phát huy lợi thế của mạng xã hội.

Ban chỉ đạo 35 các cấp phát huy hiệu quả hoạt động, chỉ đạo xây dựng 241 bài viết đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; 1.243 bài viết lan tỏa thông tin tích cực.

⁵ Tổ chức 15 cuộc Điều tra DLXH độc lập tại tỉnh; xây dựng 65 báo cáo nhanh dư luận xã hội.

phương 2 cấp theo hướng tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất; toàn tỉnh giảm 892 tổ chức, cơ quan, đơn vị⁶, gần 1.500 biên chế. Sắp xếp tổ chức đảng đồng bộ với sắp xếp tổ chức bộ máy, toàn tỉnh hiện có 42 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy (38 đảng bộ xã, phường), 256 tổ chức cơ sở đảng (giảm 267), 18 đảng bộ bộ phận (tăng 15), 1.816 chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở (giảm 79). Công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên được chú trọng, có nhiều giải pháp, cách làm được triển khai thực hiện hiệu quả. Quan tâm đổi mới nội dung, phương pháp sinh hoạt cấp ủy, chi bộ; tăng cường công tác quản lý đảng viên. Thực hiện có hiệu quả công tác bồi dưỡng, tạo nguồn, phát triển đảng viên; trong nhiệm kỳ đã kết nạp được trên 5.300 đảng viên (bình quân hằng năm đạt tỷ lệ 3,7% tổng số đảng viên), nâng tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ tỉnh lên 31.699.

Công tác xây dựng Đảng về cán bộ được coi trọng; quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt các cấp, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ nữ, cán bộ trẻ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ⁷. Thực hiện hiệu quả Chương trình trọng điểm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý người dân tộc thiểu số và cán bộ chủ chốt cấp xã. Việc kiểm soát quyền lực, phòng, chống tiêu cực trong công tác cán bộ và thi hành công vụ được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả. Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ; kết luận tiêu chuẩn chính trị được thực hiện bảo đảm chặt chẽ, đúng quy định.

Công tác dân vận và xây dựng mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, chính quyền với Nhân dân tiếp tục được tăng cường. Cấp ủy các cấp đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đồng bộ các chủ trương, nghị quyết của Trung ương, của tỉnh về công tác dân vận gắn với nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị. Thực hiện nghiêm túc phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”, nâng cao hiệu quả thực hiện dân chủ ở cơ sở, công tác giám sát, phản biện xã hội. Công tác dân vận chính quyền có chuyển biến rõ nét; công tác dân vận vùng đồng bào dân tộc, tôn giáo được triển khai nghiêm túc; phát huy vai trò người có uy tín. Phong trào thi đua “Dân vận khéo” được lan tỏa, với 342 mô hình điểm, góp phần củng cố niềm tin, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng được tăng cường và đạt kết quả khá toàn diện; đảm bảo ở đâu có tổ chức đảng, đảng viên ở đó có kiểm tra, giám sát; không có vùng cấm, không có ngoại lệ, góp phần siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong Đảng. Tập trung kiểm tra các lĩnh vực phức tạp,

⁶ Giảm 11 cơ quan cấp tỉnh, 176 đơn vị cấp phòng thuộc cơ quan cấp tỉnh, 705 đơn vị cấp phòng thuộc cấp huyện.

⁷ BCH Đảng bộ tỉnh (38 đồng chí): Tỷ lệ nữ 15,15%; tỷ lệ người dân tộc thiểu số 44,73%; tỷ lệ tuổi trẻ 5,26%. BCH các đảng bộ trực thuộc tỉnh: Tỷ lệ nữ 20,62%; tỷ lệ người dân tộc thiểu số 49,76%; tỷ lệ tuổi trẻ 20,62%.

nhạy cảm, dễ xảy ra sai phạm, được dư luận quan tâm⁸, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm; giám sát thường xuyên nhất là việc thực hiện trách nhiệm nêu gương, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Trong nhiệm kỳ đã kiểm tra, giám sát 22.438 tổ chức đảng và đảng viên; xử lý nghiêm minh, đúng nguyên tắc các tổ chức, cá nhân vi phạm, đảm bảo răn đe, giáo dục, phòng ngừa sai phạm. Cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp đã kiểm tra 4.876 tổ chức đảng (tăng 15,24% so nhiệm kỳ trước), 7.117 đảng viên (tăng 99,63% so nhiệm kỳ trước), trong đó 1.687 là cấp ủy viên các cấp; kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm 91 tổ chức đảng (tăng 40% so nhiệm kỳ trước), 327 đảng viên (tăng 32,39% so nhiệm kỳ trước); giám sát 2.462 tổ chức đảng, 7.983 đảng viên (tăng 89,01% so nhiệm kỳ trước), trong đó 2.487 là cấp ủy viên các cấp; thi hành kỷ luật 35 tổ chức đảng (tăng 165% so nhiệm kỳ trước), 976 đảng viên (tăng 1,46% so nhiệm kỳ trước). Công tác phối hợp kiểm tra, giám sát của Đảng với thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án ngày càng chặt chẽ, hiệu quả.

Công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện; nội dung thanh tra có trọng tâm, trọng điểm, bám sát định hướng của Trung ương và yêu cầu, nhiệm vụ của tỉnh. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, tăng cường đối thoại, kịp thời giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định, hạn chế phát sinh điểm nóng, góp phần bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật được đổi mới cả về nội dung và hình thức tuyên truyền, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Công tác nội chính, cải cách tư pháp, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tiếp tục được tăng cường và đạt nhiều kết quả quan trọng. Tỉnh ủy thường xuyên, kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo công tác nội chính, cải cách tư pháp gắn với bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; chủ động nắm tình hình, xử lý hiệu quả các vụ việc phức tạp⁹. Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp được kiện toàn; hoạt động của các cơ quan tư pháp, hỗ trợ tư pháp chuyển biến tích cực; ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nghiệp vụ được đẩy mạnh. Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực của tỉnh được thành lập; lãnh đạo, chỉ đạo triển khai đồng bộ các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục, kiểm tra, giám sát; nâng cao trách nhiệm của cấp ủy, người đứng đầu trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Đẩy mạnh công khai, minh bạch, thực hiện nghiêm kê khai, xác minh tài sản, thu nhập; siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ. Tăng cường cải cách hành chính, chuyển đổi số, ứng dụng công

⁸ Về các lĩnh vực: công tác cán bộ, quản lý đất đai, tài chính, tài sản công, đầu tư công, thực hiện quy chế làm việc, nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, đạo đức, lối sống, việc tu dưỡng, rèn luyện của cán bộ, đảng viên

⁹ Vụ việc khiếu kiện về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của một số hộ dân TĐC thủy điện Huội Quảng, Bản Chát

nghệ thông tin và thanh toán không dùng tiền mặt, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và phòng ngừa tiêu cực trong hoạt động công vụ.

Phương thức lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng tiếp tục được đổi mới, bảo đảm hiệu quả, sát thực tiễn. Ban hành và thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc, chương trình làm việc toàn khóa, chương trình công tác hằng năm, hằng tháng; kịp thời điều chỉnh, bổ sung theo chỉ đạo của trung ương và thực tiễn của tỉnh. Nghiên cứu, ban hành nhiều nghị quyết, đề án, chương trình hành động trên các lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm, tạo sự thống nhất từ tỉnh đến cơ sở¹⁰. Phân công nhiệm vụ, quy định thẩm quyền, trách nhiệm của các đồng chí cấp ủy viên trong lãnh đạo, chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc, nắm tình hình, thông tin, báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ của địa phương, lĩnh vực được phụ trách. Quan tâm lãnh đạo công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số trong Đảng. Phát huy vai trò người đứng đầu, thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, nêu gương, đoàn kết, kỷ luật, kỷ cương trong toàn Đảng bộ.

Công tác xây dựng chính quyền đạt nhiều kết quả quan trọng, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và phục vụ Nhân dân. Hệ thống chính quyền các cấp được sắp xếp, kiện toàn theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả gắn với quản lý, sử dụng biên chế¹¹. Chính quyền địa phương hai cấp được tổ chức đồng bộ, vận hành hiệu quả. Hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh có nhiều đổi mới, thể hiện rõ vai trò, trách nhiệm trong các hoạt động của Quốc hội. Hoạt động của hội đồng nhân dân (HĐND) các cấp tiếp tục có nhiều cải tiến phù hợp với yêu cầu thực tiễn: Các kỳ họp được tổ chức linh hoạt, chất lượng ban hành nghị quyết, giám sát, tiếp xúc cử tri được nâng lên¹². Ủy ban nhân dân (UBND) các cấp chủ động, quyết liệt triển khai các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các nghị quyết của HĐND; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm người đứng đầu. Tỷ lệ chính quyền cơ sở đạt khá, tốt hằng năm đạt 81,4%. Cải cách hành chính, xây dựng chính quyền số được quan tâm; thời gian giải quyết thủ tục hành chính cắt giảm bình quân 39,2%; 100% dịch vụ công mức độ 3, 4 được cung cấp đa nền tảng; hệ thống thông tin kết nối liên thông hiệu quả; chỉ số cải cách hành chính (PCI), chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PAR-Index) được cải thiện qua từng năm¹³. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức từng bước được nâng lên; tỷ lệ cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ nữ, cán bộ trẻ trong bộ máy chính

¹⁰ Tỉnh ủy ban hành 2 chương trình hành động, 23 nghị quyết chuyên đề, đề án, chỉ thị, kết luận để triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV

¹¹ Đã giảm 378 tổ chức, đơn vị so với thời điểm trước khi thực hiện Nghị quyết số 18, 19-NQ/TW; trong đó, giảm 121 tổ chức, gồm: cơ quan chuyên môn cấp tỉnh giảm từ 19 còn 14; giảm 21 đơn vị sự nghiệp công lập; đơn vị hành chính cấp xã giảm 64,15%, từ 106 còn 38 đơn vị.

¹² Số kỳ họp HĐND tỉnh tăng lên, tổ chức thêm 5 kỳ họp chuyên đề, giải quyết các vấn đề phát sinh về sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp, vốn, ngân sách... kịp thời

¹³ Đến năm 2024, Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) của tỉnh đạt 85,97 điểm, xếp thứ 56/63 tỉnh, thành phố - giảm 7 bậc so với năm 2023. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) đạt 67,67 điểm, tăng 1,12 điểm và vượt mục tiêu đề ra về điểm số lần thứ hạng (xếp thứ 33/63 tỉnh, thành phố)

quyền được quan tâm, phát triển. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức công vụ, văn hóa công sở được chú trọng, góp phần nâng cao tinh thần trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ.

Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục đổi mới, hướng mạnh về cơ sở, bám sát nhiệm vụ chính trị, góp phần củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước được triển khai đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, tạo lan tỏa sâu rộng. Vận động Quỹ “Vì người nghèo” đạt trên 174 tỷ đồng; hỗ trợ xây dựng, sửa chữa hơn 7.100 nhà đại đoàn kết, nhà tạm, nhà dột nát. Tổ chức hiệu quả Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc tại các khu dân cư. Tích cực vận động xóa bỏ hủ tục, phong tục tập quán lạc hậu; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, góp phần nâng cao thu nhập và phát triển kinh tế hộ gia đình. Phát huy vai trò đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của đoàn viên, hội viên và Nhân dân; tăng cường giám sát, phản biện xã hội với 918 cuộc giám sát, 280 hội nghị phản biện, hơn 1.400 góp ý dự thảo văn bản, dự án luật. Thực hiện tốt phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Dân chủ cơ sở, quyền làm chủ của Nhân dân ngày càng được phát huy. Nhân dân tham gia ngày càng tích cực và được thụ hưởng thành quả, kết quả của quá trình phát triển kinh tế, xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần mà các chủ trương, đường lối, chính sách mang lại; tham gia ngày càng tích cực hơn vào xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Đoàn kết, đồng thuận, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng; mối quan hệ mật thiết giữa cấp ủy, chính quyền với nhân dân ngày càng được tăng cường, bền chặt.

2. Phát triển kinh tế, khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường

Kinh tế từng bước vượt qua những khó khăn, tiếp tục phục hồi, tăng trưởng. Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) ước đạt 5,4%/năm, quy mô GRDP theo giá hiện hành ước đạt 32.595 tỷ đồng, bình quân đầu người ước đạt 65 triệu đồng, tăng 21,3 triệu đồng so với năm 2020. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng hướng: nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 14,21%; công nghiệp, xây dựng chiếm 44,53%; dịch vụ chiếm 35,36%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 5,9%.

Tỉnh đã sớm ban hành và triển khai các chủ trương, chính sách về phát triển nông nghiệp nhằm cụ thể hóa, triển khai thực hiện 2 chương trình trọng điểm¹⁴ và nhiệm vụ đột phá trong lĩnh vực nông lâm nghiệp¹⁵. Tập trung đẩy mạnh tái cơ cấu, chuyển dịch ngành nông nghiệp theo hướng hàng hóa tập trung gắn với liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường. Tốc độ tăng trưởng ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản

¹⁴ Chương trình phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung; Chương trình phát triển rừng bền vững

¹⁵ Phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung tạo sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc sản có giá trị, hiệu quả kinh tế cao trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ, đảm bảo quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ; xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, đáp ứng tiêu chuẩn thị trường trong nước và xuất khẩu.

ước đạt 5,0%/năm; tích cực chuyển đổi diện tích cây trồng kém hiệu quả, năng suất thấp sang trồng các loại cây có giá trị kinh tế cao hơn theo quy mô tập trung với một số sản phẩm chủ lực như: chè, quế, cây ăn quả, lúa..., ước đến hết năm 2025 tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 226.000 tấn; toàn tỉnh có 3.954 ha sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao, 10.861 ha cây chè, 8.084 ha cây ăn quả, 7.421 ha cây mắc ca, 13.854 ha cây quế, 12.933 ha cây cao su, trên 11.000 ha cây dược liệu, trong đó có trên 100 ha Sâm Lai Châu. Chăn nuôi từng bước thay đổi cả về tư duy và phương thức sản xuất, chuyển dần sang chăn nuôi có kiểm soát, quy mô tập trung trang trại gắn với áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến, tốc độ tăng đàn gia súc đạt bình quân trên 5%/năm, có 280 cơ sở chăn nuôi theo quy mô trang trại, sản lượng thịt hơi các loại đạt gần 97 nghìn tấn, diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 1.034 ha. Tập trung triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; ưu tiên nguồn lực đầu tư, nâng cao các tiêu chí nông thôn mới của các xã dự kiến đạt chuẩn, đặt trọng tâm vào phát triển sản xuất, cơ sở hạ tầng, từ đó cải thiện đời sống vật chất, tinh thần và môi trường sống của người dân nông thôn; thực hiện hiệu quả Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm”, toàn tỉnh có 280 sản phẩm được công nhận OCOP từ 3 sao trở lên, tăng 233 sản phẩm so với năm 2020.

Công nghiệp tiếp tục phát triển, chiếm tỷ trọng khá lớn trong cơ cấu GRDP của tỉnh (khoảng 40,47%); tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 9,2%/năm. Trong giai đoạn 2021-2025 đã hoàn thành 44 dự án thủy điện với tổng công suất 897,45 MW, nâng tổng số dự án hoàn thành phát điện 66 dự án với tổng công suất 3.181 MW; công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, khoáng sản, nhất chế biến chè được chú trọng. Tập trung quy hoạch, xây dựng và phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng, đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Than Uyên.

Thương mại, dịch vụ tiếp tục phát triển, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng giai đoạn 2021-2025 tăng bình quân đạt 10,1%/năm; hoạt động xuất nhập khẩu tiếp tục được quan tâm, thúc đẩy; tổng kim ngạch xuất nhập khẩu trong giai đoạn 2021-2025 ước đạt 188,67 triệu USD, giá trị xuất khẩu của địa phương ước đạt 64,06 triệu USD, tốc độ bình quân tăng 21,3%/năm. Du lịch tăng trưởng khá, giai đoạn 2021-2025 ước đón được trên 5 triệu lượt khách¹⁶, số lượt khách tăng bình quân 33,4%/năm, tổng doanh thu giai đoạn 2021-2025 ước đạt trên 3.800 tỷ đồng. Các loại hình du lịch từng bước được quan tâm khai thác, toàn tỉnh có 20 điểm du lịch được công nhận, hình thành một số bản nông thôn mới kiểu mẫu gắn với du lịch¹⁷.

¹⁶ Trong đó: khách nội địa là 4,93 triệu lượt; khách quốc tế 84.200 lượt

¹⁷ Bản Sìn Suối Hồ được nhận giải thưởng du lịch cộng đồng ASEAN đã tạo điểm nhấn, khác biệt của Lai Châu trên tuyến du lịch “Vòng cung Tây Bắc”; bản du lịch Si Thầu Chải là điểm du lịch cộng đồng được du khách yêu thích, lựa chọn. Khu du lịch Cầu kính rồng mây, các điểm du lịch hàng động đón nhiều du khách.

Huy động, quản lý và sử dụng nguồn lực tài chính đảm bảo chặt chẽ, hợp lý và hiệu quả. Thu ngân sách trên địa bàn tăng trưởng bình quân 2,3%/năm, đến năm 2025 ước đạt 2.613 tỷ đồng; Triển khai quyết liệt nhiều biện pháp quản lý thu, khai thác nguồn thu, chống thất thu, xử lý nợ đọng thuế; thực hiện tốt việc tiết kiệm chi, đảm bảo nguồn lực cho đầu tư và thực hiện các chính sách an sinh xã hội, các nhiệm vụ chính trị, nhất là để thực hiện các cơ chế, chính sách của tỉnh, các đề án, nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh.

Các thành phần kinh tế được tạo điều kiện phát triển bình đẳng. Triển khai nhiều hoạt động cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tháo gỡ khó khăn vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi về sản xuất, kinh doanh cho doanh nghiệp. Giai đoạn 2021-2025 đăng ký thành lập mới 783 doanh nghiệp, nâng tổng số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh lên 2.170 doanh nghiệp; đăng ký thành lập 208 hợp tác xã, nâng tổng số hợp tác xã trên địa bàn tỉnh lên 446 hợp tác xã; thu hút được 86 dự án với tổng vốn đăng ký đầu tư 25.093 tỷ đồng¹⁸, lũy kế đến nay trên địa bàn tỉnh có 315 dự án với tổng vốn đầu tư 152.934 tỷ đồng. Nhận thức và các hoạt động về liên kết vùng có nhiều cải thiện; quy hoạch và tập trung phát triển 2 vùng kinh tế; bước đầu đã hình thành các khu, vùng sản xuất nông lâm nghiệp hàng hóa tập trung, phát triển công nghiệp thủy điện, chế biến nông lâm sản, kinh tế biên mậu, dịch vụ, du lịch theo thế mạnh và tiềm năng từng vùng.

Việc thực hiện các nhiệm vụ đột phá về phát triển hạ tầng đạt nhiều kết quả tích cực. Hạ tầng giao thông được ưu tiên phát triển theo hướng đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, tính kết nối cao; hạ tầng nông nghiệp, nông thôn được quan tâm đầu tư; hạ tầng đô thị tiếp tục được quản lý, điều chỉnh, đầu tư xây dựng theo quy định và phù hợp với thực tiễn của tỉnh; hạ tầng lưới điện truyền tải tiếp tục được đầu tư phát triển, đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất, kinh doanh và đời sống Nhân dân; hạ tầng văn hóa xã hội tiếp tục được đầu tư hoàn thiện... Đến năm 2025 tỷ lệ cứng hóa đường xã đạt 81,59%; 100% thôn, bản có đường xe máy hoặc ô tô đi lại thuận lợi; 78,7% dân số đô thị được cung cấp nước sạch, 93% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh; 97,1% hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia; 100% trường học, trạm y tế xã được xây dựng kiên cố.

Hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được quan tâm chỉ đạo, từng bước gắn kết với thực tiễn sản xuất và đời sống. Tỉnh triển khai 57 nhiệm vụ khoa học công nghệ, tập trung vào phát triển sản phẩm chủ lực, đặc sản theo chuỗi giá trị; đẩy mạnh xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu, phát triển thị trường tiêu thụ. Các hoạt động nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn bước đầu đóng góp thiết thực cho hoạch định chính sách; hoạt động đổi

¹⁸ Trong đó: Lĩnh vực nông nghiệp: 30 dự án, vốn đăng ký 3.154 tỷ đồng; lĩnh vực công nghiệp, xây dựng: 52 dự án, vốn đăng ký 15.925 tỷ đồng; lĩnh vực thương mại dịch vụ: 04 dự án, vốn đăng ký 6.014 tỷ đồng.

mới công nghệ, quản trị chất lượng, xây dựng sở hữu trí tuệ được thúc đẩy. Các kết quả nghiên cứu, ứng dụng đã cung cấp luận cứ khoa học quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển bền vững.

Quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường. Thông tin về đất đai được công khai minh bạch, thủ tục hành chính được đơn giản hóa, giải quyết đúng quy trình, quy định. Công tác bảo vệ tài nguyên rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống ô nhiễm môi trường được tăng cường. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 54%, nguồn thu đáng kể từ dịch vụ môi trường rừng, tổng thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng giai đoạn 2020-2025 là 3.004 tỷ đồng (trung bình hơn 500 tỷ đồng/năm) đã hỗ trợ cho công tác bảo vệ và phát triển rừng, góp phần giảm nghèo, tăng thu nhập cho hàng nghìn hộ đồng bào trên địa bàn tỉnh. Tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt tại đô thị đạt 98,65%; tại khu vực nông thôn đạt 77,36%. Ứng phó với biến đổi khí hậu; phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai ngày càng chủ động, hiệu quả.

3. Phát triển văn hóa, xã hội, con người

Triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Hệ thống cơ sở giáo dục, đào tạo được sắp xếp tinh gọn, phù hợp với thực tiễn của tỉnh (giảm 10 trường so với năm 2020). Chất lượng giáo dục được nâng lên, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia ước đạt 73,5% (tăng 23,9 điểm% so với năm 2020, vượt 7,5 điểm% Nghị quyết); đội ngũ nhà giáo cơ bản bảo đảm chất lượng và cơ cấu, đáp ứng yêu cầu đổi mới dạy học (93% đạt chuẩn và trên chuẩn, tăng trên 26% so với năm 2020); công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, xã hội hóa giáo dục và khuyến học khuyến tài được quan tâm chỉ đạo, đạt kết quả tích cực, tỉnh được công nhận đạt chuẩn giáo dục tiểu học mức độ 3. Tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi đến trường: Mẫu giáo đạt 99,8%, Tiểu học đạt 99,9%, Trung học cơ sở đạt 95,5%, Trung học phổ thông đạt 60%. Đào tạo nghề, giải quyết việc làm được quan tâm, bình quân mỗi năm đào tạo nghề cho hơn 8,1 nghìn người/năm, giải quyết việc làm cho 9,4 nghìn người/năm, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 62,4%.

Triển khai thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách về công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Hệ thống y tế được củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động; đội ngũ thầy thuốc, nhân viên y tế được kiện toàn, toàn tỉnh có 13,1 bác sỹ/vạn dân. Chất lượng khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe Nhân dân được nâng lên, tiếp tục triển khai, mở rộng các dịch vụ kỹ thuật cao, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số vào hoạt động quản lý, điều hành khám chữa bệnh; không chế thành công dịch Covid-19. 70% dân số trên địa bàn tỉnh được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử, tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 95%; chất lượng dân số từng bước được cải

thiện, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng tiếp tục giảm, thể nhẹ cân giảm còn 14,9%, thể thấp còi giảm còn 19,9%.

Quan tâm triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình trọng điểm về bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc gắn với phát triển du lịch. Chất lượng các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, gắn với khai thác nét đẹp văn hóa các dân tộc được nâng lên; ưu tiên lựa chọn, xác định những giá trị văn hóa đặc sắc của 13 dân tộc thiểu số có số lượng dân số đông, sinh sống thành cộng đồng để bảo tồn và phát huy; phục dựng 14 lễ hội, duy trì tổ chức 39 lễ hội truyền thống của các dân tộc ở các địa phương; xây dựng 6 hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Các phong trào, các hoạt động xây dựng đời sống văn hóa trong cộng đồng dân cư được triển khai tích cực, đạt hiệu quả tốt; toàn tỉnh có 88,6% thôn, bản, khu dân cư có nhà văn hóa, 100% đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình và nghe đài phát thanh, 86,4% gia đình, 75% bản, tổ dân phố, 98% cơ quan, đơn vị doanh nghiệp đạt danh hiệu văn hóa. Toàn tỉnh có 1.056 thiết chế văn hóa, 100% thôn, bản, tổ dân phố xây dựng được quy ước, hương ước; có 53 câu lạc bộ bảo tồn văn hoá các dân tộc¹⁹, 889 đội văn nghệ hoạt động thường xuyên, hiệu quả; các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc được khai thác sử dụng trong phát triển du lịch. Đời sống tinh thần của Nhân dân được nâng lên; từng bước đẩy lùi tiến tới xóa bỏ hủ tục, phong tục, tập quán lạc hậu; tập trung xây dựng nếp sống văn minh, góp phần xây dựng văn hóa và con người Lai Châu với tinh thần đoàn kết, vượt khó, có ý chí và khát vọng vươn lên.

Công tác giảm nghèo luôn được quan tâm, ưu tiên nguồn lực thực hiện. Tập trung đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất; đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo. Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh, bình quân 3,9%/năm, riêng các huyện nghèo giảm 5,4%/năm, vượt mục tiêu Nghị quyết; đến hết năm 2025 tỷ lệ hộ nghèo còn khoảng 16,3%. Triển khai đầy đủ, kịp thời, có hiệu quả các chính sách hỗ trợ đồng bào các dân tộc và miền núi, nhất là đồng bào vùng sâu, vùng xa có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Tập trung xóa bỏ các hủ tục, phong tục, tập quán lạc hậu trong Nhân dân, nhất là đồng bào các dân tộc thiểu số; giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống. Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số ở địa phương. Công tác bảo đảm an sinh xã hội được chú trọng; thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người có công, giải quyết cơ bản khó khăn về nhà ở, phát huy truyền thống "uống nước nhớ nguồn" của dân tộc; công tác chăm sóc, bảo vệ trẻ em được duy trì, thực hiện tốt, nhất là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; đã hoàn thành việc xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh, với 7.161 hộ/căn nhà

¹⁹ Trong đó: 8 câu lạc bộ bảo tồn cấp xã, 45 câu lạc bộ bảo tồn tại các trường học.

được hỗ trợ. Quản lý các hoạt động tôn giáo trên địa bàn, đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; thường xuyên kiểm tra, nắm tình hình, kịp thời ngăn chặn, giải quyết các hiện tượng tín ngưỡng, tôn giáo mới, “đạo lạ”, “tà đạo”.

4. Quốc phòng, an ninh, đối ngoại

Quán triệt, thực hiện nghiêm các chủ trương của Đảng về công tác quân sự, quốc phòng phù hợp với điều kiện của tỉnh. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với an ninh Nhân dân vững mạnh; củng cố, xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, huyện vững mạnh về cả tiềm lực, lực lượng và thế trận. Các lực lượng chức năng chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời xử lý những tình huống phát sinh về an ninh, trật tự xảy ra, không để bị động, bất ngờ; phòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả với âm mưu chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, phản động. Chủ quyền biên giới được giữ vững; xây dựng thế trận biên phòng toàn dân được quan tâm với nhiều cách làm sáng tạo, hiệu quả. Chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện, "mẫu mực, tiêu biểu"; lực lượng dự bị động viên hùng hậu, dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, xây dựng, củng cố "thế trận lòng dân" vững chắc. Hoạt động phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn được quan tâm thực hiện; kịp thời hỗ trợ người dân, tổ chức, doanh nghiệp khi có thiên tai, sự cố; ứng phó có hiệu quả với hậu quả của biến đổi khí hậu.

Công tác bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được tăng cường; chủ động nắm chắc tình hình, đấu tranh, ngăn chặn kịp thời hoạt động chống phá của các thế lực thù địch. Làm tốt công tác bảo đảm an ninh biên giới, bảo vệ an ninh chính trị nội bộ, đảm bảo giữ vững an ninh thông tin, an ninh kinh tế, an ninh văn hóa - tư tưởng, an ninh nông thôn, an ninh tôn giáo, dân tộc; bảo vệ bí mật nhà nước. Công tác đấu tranh, phòng, chống tội phạm, bảo đảm trật tự an toàn xã hội được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tạo sự chuyển biến rõ nét; tăng cường đấu tranh phòng, chống hiệu quả các loại tội phạm mua bán người, ma túy, buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển trái phép hàng hóa, hàng cấm qua biên giới. Chất lượng điều tra các vụ án hình sự được nâng lên. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự trên các lĩnh vực được tăng cường. Nội dung, biện pháp tổ chức phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” có nhiều đổi mới. Công tác phát triển lực lượng nòng cốt ở cơ sở trong bảo đảm an ninh, trật tự được quan tâm củng cố, kiện toàn; hoàn thành đề án bố trí 100% công an chính quy tại các xã. Phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” được triển khai rộng rãi, đã chuyển hóa thành công 74/74 địa bàn trọng điểm về an ninh, trật tự, đến nay 100% xã, phường và 97,6% cơ quan đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự.

Công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế được duy trì, mở rộng và phát triển. Quan hệ đối ngoại với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), các tỉnh phía Bắc

nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào được duy trì và có những bước phát triển mạnh mẽ; quan hệ với các địa phương của Hàn Quốc có những bước khởi sắc, nhiều biên bản hợp tác hữu nghị giữa các cấp, các ngành, các địa phương được ký kết. Mở rộng quan hệ với các đối tác mới, các cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam. Ngoại giao kinh tế có những bước phát triển mới; mở rộng thị trường lao động, thị trường xuất khẩu hàng hóa. Ngoại giao văn hóa được tăng cường, góp phần quảng bá hình ảnh, tăng cường sự hiểu biết, tin cậy lẫn nhau. Hoạt động đối ngoại Đảng, đối ngoại Nhân dân duy trì thường xuyên và hiệu quả, góp phần thúc đẩy quan hệ hợp tác hữu nghị giữa Lai Châu với bạn bè quốc tế.

Đạt được những kết quả trên là do Đảng bộ tỉnh, cấp ủy các cấp luôn đoàn kết, thống nhất cả về tư tưởng lẫn hành động, tạo sự đồng thuận trong toàn Đảng bộ và các tầng lớp nhân dân; phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành có nhiều đổi mới, quyết liệt hơn, sâu sát hơn; đã vận dụng sáng tạo các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước để xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Lựa chọn đúng nội dung, đúng thời điểm; tập trung các nguồn lực để thực hiện thắng lợi các mục tiêu đã đề ra.

II- HẠN CHẾ, YẾU KÉM VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế, yếu kém

Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các chương trình trọng điểm, nhiệm vụ đột phá có thời điểm, có nhiệm vụ chưa quyết liệt, hiệu quả chưa cao; còn 6/50 chỉ tiêu thành phần không đạt mục tiêu Nghị quyết.

1.1. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

Việc đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả quán triệt, cụ thể hóa, tổ chức thực hiện chủ trương, nghị quyết của Đảng ở một số địa phương, đơn vị có mặt còn hạn chế. Tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, người dân tộc thiểu số trong quy hoạch ở một số nơi còn thấp; phát triển đảng viên ở vùng sâu, doanh nghiệp ngoài nhà nước còn khó khăn. Công tác kiểm tra, giám sát, đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực ở một số cấp ủy, UBKT chưa toàn diện; việc phát hiện, xử lý dấu hiệu vi phạm, tự kiểm tra trong nội bộ còn ít; chất lượng kiểm tra, thi hành kỷ luật, giải quyết khiếu nại tố cáo có mặt còn hạn chế. Công tác dân vận, việc thực hiện quy chế dân chủ có nội dung, lĩnh vực còn hình thức; đối thoại giữa cấp ủy, chính quyền với Nhân dân chưa thường xuyên. Dự báo tình hình có nơi chưa sát; tình hình khiếu kiện trong dân còn tiềm ẩn phức tạp.

Hiệu quả hoạt động của chính quyền có mặt còn hạn chế. Chất lượng ban hành nghị quyết, hoạt động giám sát của hội đồng nhân dân, vai trò điều hành, quản lý của ủy ban nhân dân ở một số địa phương chưa toàn diện; tổ

chức thực hiện vẫn là khâu yếu. Kỷ luật, kỷ cương hành chính có nơi chưa nghiêm; sự phối hợp giữa các ngành, các cấp có nơi thiếu chặt chẽ; cải cách hành chính có thời điểm hiệu quả chưa cao; môi trường đầu tư chưa hấp dẫn, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh còn hạn chế.

Việc đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội chuyên biến chưa rõ nét. Chất lượng, hiệu quả thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động có mặt còn hạn chế. Vai trò giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, chính quyền hiệu quả chưa cao. Việc nắm bắt tình hình tư tưởng đoàn viên, hội viên và Nhân dân có thời điểm, có việc chưa kịp thời.

1.2. Phát triển kinh tế, khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường

Quy mô nền kinh tế nhỏ, tốc độ tăng trưởng thấp, chất lượng tăng trưởng chưa bền vững, chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm; thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng chậm. Các sản phẩm nông nghiệp chủ lực còn hạn chế về chất lượng, khả năng cạnh tranh thấp, thị trường tiêu thụ nhỏ và thiếu ổn định. Công nghiệp chế biến quy mô nhỏ lẻ, chế biến sâu chưa phát triển. Thương mại, dịch vụ phát triển chưa đều, xuất nhập khẩu thiếu ổn định; phát triển du lịch chưa tương xứng với tiềm năng của tỉnh, sản phẩm còn ít, tính kết nối chưa cao. Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo còn ở mức thấp; hàm lượng khoa học, công nghệ trong các sản phẩm còn ít; chuyển đổi số còn chậm, hiệu quả chưa cao.

Tiến độ triển khai một số dự án, nguồn vốn chậm; việc thu hút đầu tư vào một số lĩnh vực còn khó khăn, chưa có dự án lớn, tác động lan tỏa thúc đẩy kinh tế, xã hội phát triển. Số doanh nghiệp, hợp tác xã còn ít, sức cạnh tranh hạn chế. Chưa kêu gọi được các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài đến đầu tư tại tỉnh.

Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn thiếu, chưa đồng bộ. Kết nối giao thông liên vùng, nhất là kết nối các trung tâm kinh tế lớn còn rất khó khăn và là “điểm nghẽn” lớn nhất đối với sự phát triển của tỉnh.

Công tác thanh tra, kiểm tra thực hiện quy định về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường có thời điểm, địa bàn chưa thường xuyên; tình trạng vi phạm pháp luật về khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường còn tiềm ẩn phức tạp; việc khai thác khoáng sản trái phép ảnh hưởng tới an ninh trật tự và môi trường tại địa phương.

1.3. Phát triển văn hóa, xã hội, con người

Chất lượng công tác khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe Nhân dân có mặt còn hạn chế; hiệu quả hoạt động của hệ thống y tế ở cơ sở chưa cao; thể chất, thể trạng của người dân cải thiện chưa rõ. Tình trạng thiếu giáo viên chậm được khắc phục; chất lượng giáo dục vùng sâu, vùng xa chuyển biến

chậm; hiệu quả đào tạo chưa cao; kỹ năng sống, kỹ năng thực hành của học sinh, sinh viên, người lao động chưa đầy đủ. Hoạt động văn hóa, thể thao chưa rộng khắp; nghệ thuật chuyên nghiệp, thể thao thành tích cao còn nhiều hạn chế. Hạ tầng thông tin còn nhiều hạn chế; cơ sở vật chất, trang thiết bị cho y tế, giáo dục, văn hóa còn thiếu và lạc hậu. Những khó khăn về sinh kế, việc làm của người dân chưa được giải quyết triệt để; tỷ lệ hộ nghèo còn cao, đời sống của một bộ phận đồng bào dân tộc nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới còn nhiều khó khăn. Việc xóa bỏ hủ tục, phong tục tập quán lạc hậu, xây dựng nếp sống văn minh trong nhân dân ở một số địa phương, đơn vị chuyển biến chậm.

1.4. Quốc phòng, an ninh, đối ngoại

Chất lượng xây dựng và huấn luyện lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; công tác quy hoạch, xây dựng các công trình quân sự trong khu vực phòng thủ có nội dung còn hạn chế. Công tác nắm và xử lý những vấn đề phức tạp phát sinh ở cơ sở có việc, có thời điểm chưa kịp thời, hiệu quả chưa cao. An ninh, trật tự tại vùng sâu, vùng xa, biên giới tiềm ẩn nhân tố phức tạp. Quan hệ đối ngoại, nhất là quan hệ với tỉnh Vân Nam, Trung Quốc chưa tương xứng với tiềm năng. Hoạt động đối ngoại Nhân dân còn ít và chưa phong phú.

2. Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém

2.1. Nguyên nhân khách quan

Bối cảnh quốc tế, trong nước có nhiều khó khăn, thách thức; ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19; thời tiết diễn biến bất thường, ảnh hưởng tăng trưởng sản lượng thủy điện; thiên tai thường xuyên xảy ra; nguồn lực của Trung ương, của tỉnh còn hạn chế; chính sách biên mậu chưa thống nhất; một số cơ chế, chính sách, quy định của Trung ương chậm ban hành, còn nhiều bất cập; các thế lực thù địch tiếp tục gia tăng các hoạt động "Diễn biến hoà bình", chống phá, chia rẽ khối đại đoàn kết các dân tộc....

2.2. Nguyên nhân chủ quan

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của một số cấp ủy, chính quyền, người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa sâu sát, thiếu quyết liệt. Việc nghiên cứu, cụ thể hóa và triển khai thực hiện các quy định, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh vào thực tiễn nhiệm vụ của ngành, địa phương chưa kịp thời; trách nhiệm phối hợp trong triển khai nhiệm vụ có lúc, có việc còn thiếu chặt chẽ. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức công vụ có nơi hiệu quả chưa cao. Năng lực, trình độ cán bộ tham mưu ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương có mặt còn hạn chế, trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ chưa cao. Một số cán bộ, đảng viên, người đứng đầu cơ quan, đơn vị thiếu gương mẫu; ý thức trách nhiệm chưa cao. Công tác kiểm tra, giám sát việc

thực hiện nhiệm vụ chính trị có nơi chưa thường xuyên, thiếu quyết liệt, việc tự kiểm tra, phát hiện vi phạm còn hạn chế.

III- ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Đánh giá chung

Nhìn chung, sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, tỉnh ta đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, toàn diện; cơ bản hoàn thành các mục tiêu đề ra trong bối cảnh có nhiều khó khăn, thách thức. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng được nâng lên; tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được tinh giản, hoạt động hiệu quả; kỷ cương, kỷ luật Đảng, pháp luật của Nhà nước được thực hiện nghiêm minh; niềm tin của Nhân dân với Đảng được củng cố, tăng cường. Kinh tế tiếp tục phục hồi và tăng trưởng; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được cải thiện. Các hoạt động trên lĩnh vực văn hóa - xã hội tiếp tục có sự chuyển biến tích cực; chất lượng giáo dục, đào tạo và chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân tiếp tục được nâng lên; các chính sách xã hội được thực hiện kịp thời, đầy đủ; bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc được giữ gìn và phát triển. Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh, đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân được cải thiện. Quốc phòng, an ninh được củng cố, tăng cường, chủ quyền biên giới quốc gia được giữ vững. Quan hệ đối ngoại và hợp tác quốc tế tiếp tục được mở rộng, phát triển đi vào chiều sâu. Khối đại đoàn kết các dân tộc không ngừng được củng cố tăng cường, tạo sự đồng thuận trong các tầng lớp nhân dân, chung sức đồng lòng xây dựng Lai Châu phát triển nhanh và bền vững.

2. Những bài học kinh nghiệm qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV

Một là, kiên định và giữ vững các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, nguyên tắc tự phê bình và phê bình; quán triệt sâu sắc và chấp hành nghiêm các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và quy chế làm việc của cấp ủy các cấp. Không ngừng đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo, bản lĩnh chính trị và sức chiến đấu của tổ chức đảng, đảng viên. Phát huy dân chủ, đề cao vai trò của tập thể lãnh đạo và trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu trong tổ chức thực hiện.

Hai là, xác định rõ xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa quyết định thành bại của sự nghiệp phát triển. Trong đó, đặc biệt quan tâm công tác cán bộ, chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cán bộ chủ chốt, cán bộ người dân tộc thiểu số có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, chuyên môn sâu, có uy tín, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Đồng thời, phải xây dựng đội ngũ cán bộ

“dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung”, gắn với việc giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và thực thi công vụ.

Ba là, phát huy cao độ tinh thần đoàn kết, thống nhất, đồng thuận trong toàn Đảng bộ, hệ thống chính trị và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Quán triệt và vận dụng nhất quán quan điểm “Dân là gốc” và phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” vào quá trình xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách phát triển. Đồng thời, quan tâm đến hài hòa lợi ích các tầng lớp nhân dân, các dân tộc, đặc biệt là đồng bào ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, tạo môi trường thuận lợi để doanh nghiệp và Nhân dân yên tâm phát triển sản xuất, kinh doanh. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Bốn là, phát huy tính chủ động, sáng tạo trong việc cụ thể hóa kịp thời các nghị quyết, chủ trương của Trung ương và của tỉnh thành các chương trình, kế hoạch phù hợp, khả thi, sát với điều kiện cụ thể của địa phương. Tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện toàn diện các nhiệm vụ, đồng thời xác định những nội dung trọng tâm, trọng điểm để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện; tập trung giải quyết các “điểm nghẽn” như: phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung; phát huy giá trị văn hóa truyền thống gắn với phát triển du lịch; xây dựng thương hiệu Sâm Lai Châu; đẩy mạnh cải cách hành chính; kiên trì xóa bỏ hủ tục, xây dựng nếp sống văn minh trong cộng đồng dân cư. Phát huy vai trò của chính quyền trong quản lý, chỉ đạo. Coi trọng kiểm tra, giám sát trong tổ chức thực hiện.

Năm là, chú trọng tổng kết thực tiễn gắn với nghiên cứu lý luận, nâng cao chất lượng công tác dự báo, chủ động xây dựng kịch bản ứng phó với tình huống phát sinh. Đánh giá đúng tiềm năng, lợi thế, nhận diện chính xác các nguồn lực phát triển để ban hành cơ chế, chính sách sát hợp thực tiễn; tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc, khơi thông điểm nghẽn, tạo lập môi trường đầu tư - kinh doanh thuận lợi, thu hút và huy động hiệu quả các nguồn lực xã hội vào quá trình phát triển của tỉnh.

Phần thứ hai

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

NHIỆM KỲ 2025 - 2030

I- BỐI CẢNH, TÌNH HÌNH

Dự báo trong nhiệm kỳ tới, hòa bình hợp tác trên thế giới vẫn là xu hướng chủ đạo. Đất nước ta sau 40 năm đổi mới, cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế tiếp tục được nâng lên; công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng,

tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị được đẩy mạnh, tạo nền tảng vững chắc để đưa Đất nước bước vào Kỷ nguyên mới, Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Sự bùng nổ của các công nghệ mới, nhất là trí tuệ nhân tạo sẽ tác động sâu sắc đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, cùng với đó xu thế phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn sẽ góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững. Đảng, nhà nước sẽ tập trung đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật; phát triển kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế; tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đồng thời tiếp tục quan tâm phát triển kinh tế - xã hội vùng miền núi, biên giới. Lai Châu sau 20 năm chia tách, thành lập đã đạt được những thành tựu quan trọng, những kết quả và bài học kinh nghiệm có được cùng với tinh thần đoàn kết, tin tưởng và đồng thuận của Nhân dân các dân tộc tạo động lực, nền tảng vững chắc thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ 2025-2030.

Tuy nhiên, tình hình thế giới đứng trước nhiều diễn biến phức tạp, khó đoán định. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt. Nền kinh tế nước ta còn nhiều điểm nghẽn phải giải quyết và tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức; nguy cơ rơi vào bẫy thu nhập trung bình và khả năng tụt hậu xa hơn về nền kinh tế; lợi thế từ cơ cấu “dân số vàng” đang giảm dần. Trong bối cảnh thực hiện chủ trương sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp tỉnh, hình thành các vùng, trung tâm kinh tế lớn, các cực tăng trưởng mới của cả nước, Lai Châu sẽ đứng trước nhiều thách thức: quy mô kinh tế, dân số trong nhóm thấp nhất cả nước, các hạn chế về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là hạ tầng giao thông kết nối, nguồn lực đầu tư chậm được cải thiện vẫn còn hiện hữu; lợi thế cạnh tranh thấp; là một trong những tỉnh khó khăn nhất cả nước. Bên cạnh đó biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh diễn biến khó lường; các thế lực thù địch tiếp tục thực hiện âm mưu chống phá, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc ảnh hưởng đến quá trình phát triển của tỉnh.

II- QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Kiên định, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối đổi mới của Đảng, các nguyên tắc xây dựng Đảng. Bám sát thực tiễn, vận dụng sáng tạo để cụ thể hóa và tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong thực hiện nghị quyết.

2. Phát huy có hiệu quả các tiềm năng, lợi thế; tranh thủ các nguồn lực, sự giúp đỡ của Trung ương, của các địa phương. Gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu với bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh; tăng cường hợp tác quốc tế, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, xây dựng biên giới hòa bình, hợp tác và phát triển.

3. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết các dân tộc; khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường vượt qua mọi khó khăn, thách thức, khát vọng cống hiến, phát triển. Phát huy tối đa nhân tố con người, lấy con người làm chủ thể, bản sắc văn hóa các dân tộc làm nền tảng, động lực, sức mạnh cho quá trình phát triển. Lấy việc nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân là mục tiêu phấn đấu.

4. Đổi mới tư duy, nắm bắt và hiện thực hóa các cơ hội phát triển của vùng và quốc gia, chủ động vượt qua khó khăn, thách thức. Tranh thủ mọi thời cơ, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tạo đột phá cho tỉnh phát triển trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Tập trung hoàn thiện cơ chế, chính sách, đẩy mạnh cải cách hành chính, mở rộng dân chủ gắn với giữ vững kỷ luật, kỷ cương. Tạo điều kiện công bằng, thuận lợi cho các thành phần kinh tế phát triển. Phát huy ý chí tự lực, tự cường, sức sáng tạo; khuyến khích tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; thu hút, trọng dụng nhân tài.

5. Quyết tâm và kiên trì xây dựng, chỉnh đốn Đảng; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng các cấp; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, gắn bó mật thiết với Nhân dân; tăng cường kiểm soát quyền lực, kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị "tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả", tạo chuyển biến mạnh mẽ, thực chất trong đổi mới phương thức lãnh đạo, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo toàn diện của Đảng bộ trong giai đoạn mới; tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, khôi phục đại đoàn kết toàn dân tộc, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng.

III- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tăng cường xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; phát huy ý chí tự lực, tự cường, truyền thống văn hóa, sức mạnh đoàn kết các dân tộc. Nắm bắt và khai thác hiệu quả các cơ hội, nguồn lực, thế mạnh. Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng, gia tăng sự đóng góp của ngành dịch vụ, du lịch; phát triển công nghiệp năng lượng sạch, khai khoáng và công nghiệp chế biến sâu, phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao. Chủ động ứng dụng khoa học, công nghệ; đẩy mạnh đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phát triển toàn diện các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội; triển khai có hiệu quả chương trình nông thôn mới gắn với mục tiêu phát triển kinh tế xã hội và giảm nghèo bền vững; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân. Tập trung phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, tạo đột phá về hạ tầng giao thông kết nối với

các tỉnh và vùng kinh tế. Mở rộng hợp tác, hội nhập sâu rộng, bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia. Xây dựng Lai Châu phát triển xanh, nhanh, bền vững, cùng đất nước bước vào Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030

2.1. Về kinh tế

(1) Tốc độ tăng trưởng GRDP đạt bình quân khoảng 10%. GRDP bình quân đầu người đạt 90 triệu đồng.

(2) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn phân đấu đến năm 2030 đạt trên 4.500 tỷ đồng.

(3) Giá trị ngành nông nghiệp tăng bình quân 5%/năm.

(4) Giá trị hàng địa phương tham gia xuất khẩu tăng bình quân 10,5%/năm.

(5) Tổng lượt khách du lịch tăng bình quân 10%/năm; doanh thu từ du lịch đến năm 2030 đạt trên 2.700 tỷ đồng.

(6) Tổng vốn đầu tư xã hội trên địa bàn tỉnh bình quân khoảng 35% GRDP.

(7) Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội đạt 6,5-7%/năm.

(8) Tỷ trọng kinh tế số đạt từ 9-10% GRDP.

2.2. Về xã hội

(9) Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 3 và đạt chuẩn phổ cập giáo dục Trung học cơ sở mức độ 2. Tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi đến trường: Mẫu giáo đạt 99,8%; Tiểu học đạt 99,9%; Trung học cơ sở đạt 98%; Trung học phổ thông đạt 60%. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia từ 80% trở lên.

(10) Hằng năm giải quyết việc làm cho 10.000 lao động, đào tạo nghề cho 4.700 lao động; tỷ lệ lao động qua đào tạo 70,5%, trong đó lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ trên 32%.

(11) Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 3-4%/năm.

(12) Có trên 13,5 bác sỹ/1 vạn dân; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi xuống dưới 17%; tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế đạt trên 92%; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt trên 96%; tuổi thọ bình quân đạt 70 tuổi.

(13) 88% thôn, bản, khu dân cư có nhà văn hóa; 86% hộ gia đình, 78% thôn, bản, khu phố và 98% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn văn hóa.

(14) Phân đầu toàn tỉnh có ít nhất 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 02 xã đạt nông thôn mới nâng cao.

(15) Trên 95% đường xã được cứng hóa; 99% hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia; 82% dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung; 95% dân cư nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

2.3. Về môi trường

(16) Tỷ lệ che phủ rừng đạt 55%.

(17) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được phân loại, thu gom, xử lý đạt 95,0%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được phân loại, thu gom, xử lý đạt 90%.

(18) Tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông (suối) đạt 65%.

(19) Tỷ lệ các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường đạt 98%.

2.4. Chỉ tiêu về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

(20) Tỷ lệ kết nạp đảng viên mới hằng năm đạt từ 3-4% tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ tỉnh.

(21) 75% trở lên đảng bộ trực thuộc tỉnh, 90% trở lên tổ chức cơ sở đảng, 90% trở lên đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ; 100% tổ chức chính quyền cơ sở, trên 90% Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội cơ sở đạt từ tốt trở lên.

IV- NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Tiếp tục xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện

1.1. Xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh toàn diện; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng

1.1.1. Xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và đạo đức

Kiên định, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới. Nâng cao năng lực hoạch định, cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng phù hợp với thực tiễn; coi trọng năng lực dự báo, ứng phó với tình hình. Kiên quyết khắc phục những hạn chế, yếu kém, trì trệ, tình trạng né tránh trách nhiệm trong lãnh đạo, điều hành và tổ chức thực hiện; đấu tranh, phòng chống những biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Thực hiện nghiêm các nguyên tắc, quy định; thực hành dân chủ gắn liền với tăng cường kỷ luật, kỷ cương của Đảng.

Tăng cường xây dựng Đảng về tư tưởng theo hướng chủ động, thường xuyên, hướng mạnh về cơ sở. Đổi mới mạnh mẽ việc học tập, quán triệt, tuyên truyền chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị theo hướng khoa học, sáng tạo, hiện đại và gắn lý luận với thực tiễn. Quan tâm bồi dưỡng ý thức chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, giáo dục lịch sử Đảng, giáo dục truyền thống cách mạng của Đảng ta qua 100 năm thành lập và phát triển cho đoàn viên, hội viên và Nhân dân nhất là thế hệ trẻ. Nâng cao chất lượng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận; chú trọng sử dụng các kết quả điều tra, nắm bắt, nghiên cứu thực tiễn và dư luận xã hội phục vụ quá trình xây dựng, điều chỉnh các chủ trương, chính sách của Đảng, chính quyền và công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý xã hội. Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các thông tin xuyên tạc, thù địch; chủ động phòng, chống “*diễn biến hòa bình*”, ngăn chặn đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống. Chủ động nắm bắt, nghiên cứu, dự báo tình hình, tư tưởng, kịp thời xử lý thông tin, định hướng tư tưởng xã hội mọi không gian, địa bàn, lực lượng và đối tượng và trước những vấn đề được dư luận quan tâm. Phát huy hiệu quả vai trò của báo chí, văn học, nghệ thuật trên mặt trận tư tưởng. Quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng chuyên nghiệp, chủ động thích ứng với thời đại số; thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao năng lực của đội ngũ giảng viên chính trị, phóng viên, báo cáo viên. Đầu tư cơ sở vật chất cho các nhiệm vụ công tác tư tưởng; đẩy mạnh ứng dụng thành tựu khoa học - công nghệ phục vụ công tác tuyên truyền, bảo đảm an ninh tư tưởng trên không gian mạng.

Thực hiện nghiêm túc, quyết liệt, hiệu quả nhiệm vụ về xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với đẩy mạnh học tập, làm theo Bác và các quy định về trách nhiệm nêu gương, quy định chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới, “*giáo dục cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư*” “*những điều đảng viên không được làm*”. Nâng cao chất lượng kiểm điểm, tự phê bình và phê bình hằng năm gắn với khắc phục hạn chế, khuyết điểm sau kiểm điểm; xử lý nghiêm những cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, có biểu hiện “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*”. Nâng cao ý thức tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, thường xuyên “*tự soi*”, “*tự sửa*”; danh dự, lòng tự trọng, ý thức, trách nhiệm phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân; sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật của cán bộ, đảng viên. Chú trọng phát hiện, biểu dương, lan tỏa tập thể, cá nhân điển hình tiêu biểu. Phát huy vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu và cán bộ chủ chốt.

1.1.2. Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ; tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên; tăng cường bảo vệ chính trị nội bộ

Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Kịp thời cụ thể hóa và triển khai thực hiện hiệu quả các nghị quyết, quy định, kết luận của Trung ương về mô hình tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị bảo đảm đồng bộ, liên thông; hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, phân cấp, phân quyền của từng cơ quan, tổ chức, địa phương; vị trí việc làm sau sắp xếp tổ chức bộ máy làm cơ sở để thực hiện sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với tinh giản biên chế. Thực hiện nghiêm quy định của Đảng về công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị.

Tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên. Thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ công tác của các loại hình tổ chức cơ sở đảng. Tiếp tục đổi mới hoạt động và nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy, chi bộ; bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo, kỹ năng và nghiệp vụ công tác đảng cho đội ngũ cấp ủy viên cơ sở. Thực hiện hiệu quả, thực chất mô hình "chi bộ bốn tốt", "đảng bộ cơ sở bốn tốt"; việc đánh giá, xếp loại tổ chức đảng và đảng viên hằng năm. Tăng cường công tác quản lý đảng viên; quan tâm công tác phát triển đảng viên, nhất là ở nông thôn, các bản vùng sâu, vùng xa, trong học sinh và doanh nghiệp khu vực ngoài nhà nước.

Chú trọng xây dựng Đảng về cán bộ; tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ chủ chốt và người đứng đầu các cấp. Thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng và quyền hạn, trách nhiệm của người đứng đầu. Kịp thời cụ thể hóa các quy định của Trung ương bảo đảm thực hiện đồng bộ thể chế về công tác cán bộ, nhất là trong đánh giá, quy hoạch, đào tạo và sử dụng cán bộ; nghiên cứu ban hành bộ công cụ đánh giá chất lượng, hiệu quả rèn luyện, tu dưỡng và thực hiện nhiệm vụ theo hướng lượng hóa, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, năng lực của từng tập thể, cá nhân. Thực hiện tốt chủ trương khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Coi trọng xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học, cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ người dân tộc thiểu số. Tăng cường kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ một cách thực chất và hiệu quả; kiên quyết khắc phục những hạn chế, bất cập trong công tác cán bộ. Thực hiện tốt việc thí điểm một số chủ trương, giải pháp đổi mới, đột phá trong công tác cán bộ theo chỉ đạo của Trung ương. Chú trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ, bảo đảm đoàn kết, nhất trí và sự trong sạch, vững mạnh của các cấp ủy, tổ chức đảng. Kiên quyết phòng, chống các biểu hiện bè phái, "lợi ích nhóm" và chia rẽ làm mất đoàn kết nội bộ.

1.1.3. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng, UBKT các cấp tiếp tục quán triệt, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng; tuyên truyền, phổ biến quán triệt sâu sắc các chủ trương, nghị quyết, quy định của Đảng, các văn bản của Trung ương, của Tỉnh ủy về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng. Tiếp tục rà soát, cụ thể hóa các quy định, quy chế, hướng dẫn về công tác kiểm tra, giám sát; nâng cao hiệu quả phối hợp giữa UBKT với cơ quan chức năng, các ban đảng, văn phòng cấp ủy trong xây dựng, thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể.

Lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy, UBKT các cấp xây dựng và thực hiện tốt chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát toàn khóa và hằng năm của cấp ủy; thường xuyên hướng dẫn, đôn đốc cấp ủy trực thuộc, chỉ đạo UBKT cấp dưới thực hiện tốt chương trình, kế hoạch công tác kiểm tra, giám sát hằng năm. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của UBKT, cán bộ kiểm tra; tập trung chỉ đạo và triển khai thực hiện các chủ trương, các chỉ đạo của Trung ương về kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng. Tăng cường giám sát, ngăn ngừa khuyết điểm, vi phạm; kiểm tra, giám sát tổ chức đảng gắn với trách nhiệm cá nhân người đứng đầu, nhất là cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; kịp thời phát hiện, kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm; giải quyết tố cáo, khiếu nại, xem xét, xử lý kỷ luật đảng theo quy định và thẩm quyền; quan tâm kiểm tra, giám sát đối với “4 nghị quyết trụ cột” của Trung ương. Xử lý kỷ luật đảm bảo nghiêm minh, chính xác kịp thời, “không có vùng cấm”, “không có ngoại lệ”, gắn với tăng cường giáo dục, quản lý làm cho tổ chức đảng, đảng viên thấy được vi phạm, khuyết điểm để khắc phục, sửa chữa, tiến bộ hơn, làm tốt hơn.

Thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra có phẩm chất, đạo đức, bản lĩnh chính trị vững vàng, có trình độ, năng lực thực tiễn, trách nhiệm và có ý thức tổ chức kỷ luật cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

1.1.4. Tăng cường công tác dân vận, thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và Nhân dân, thật sự dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng

Tiếp tục nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị, đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức về công tác dân vận trong tình hình mới. Tăng cường công tác dân vận đối với nội dung, chương trình trọng tâm, trọng điểm, những việc mới, việc khó. Thực hiện hiệu quả Nghị quyết của Tỉnh ủy về xóa bỏ hủ tục, phong tục, tập quán lạc hậu, xây dựng nếp sống văn minh trong nhân dân các dân tộc tỉnh giai đoạn 2024-2030. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân

vận các cơ quan nhà nước, của MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội. Nắm chắc tình hình, chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện xử lý dứt điểm những điểm nóng, vụ việc phức tạp. Triển khai các phong trào thi đua thiết thực, cụ thể, phù hợp; chăm lo và bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và Nhân dân. Nâng cao chất lượng công tác dân vận vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào có sinh hoạt tôn giáo; chú trọng xây dựng và củng cố lực lượng nòng cốt các cấp; phát huy vai trò của người có uy tín, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo trong tuyên truyền, vận động Nhân dân. Đẩy mạnh phong trào thi đua “Dân vận khéo” trên các lĩnh vực gắn với biểu dương, khen thưởng, nhân rộng điển hình tiêu biểu.

Phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, thực hiện nghiêm các quy định về trách nhiệm tiếp xúc, đối thoại, giải quyết khiếu nại tố cáo, Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở, phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”; nâng cao hiệu quả giám sát, phản biện xã hội, nhất là phát huy vai trò của Nhân dân trong đấu tranh ngăn chặn đẩy lùi sự suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, góp phần thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và Nhân dân, thật sự dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng. Khơi dậy, phát huy giá trị văn hóa, ý chí tự lực tự cường và khát vọng vươn lên của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân.

1.1.5. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác nội chính; kiên quyết, kiên trì đấu tranh, ngăn chặn, phòng, chống tham nhũng, lãng phí tiêu cực; đẩy mạnh cải cách tư pháp

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác phổ biến, quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và cải cách tư pháp; nâng cao chất lượng công tác nắm, dự báo tình hình, nhất là từ cơ sở. Chỉ đạo cơ quan điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, các tổ chức hỗ trợ tư pháp tiếp tục nâng cao chất lượng công tác đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp theo tinh thần Nghị quyết 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp trong công tác tiếp công dân, đối thoại với Nhân dân, tiếp nhận, xử lý, giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; kịp thời giải quyết những vướng mắc, kiến nghị của người dân ngay từ cơ sở. Triển khai quyết liệt, thường xuyên, toàn diện, đồng bộ công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án.

Tăng cường chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong cụ thể hóa, xây dựng cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền theo phân cấp; rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định về phòng, chống lãng phí thuộc trách nhiệm của tỉnh để khắc phục những bất cập, sơ hở. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chủ trương lớn của đảng đề cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động “không muốn, không

thể, không dám, không cần” tham nhũng, tiêu cực. Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu, trách nhiệm giải trình, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch trong tổ chức và hoạt động; chủ động phòng ngừa, tự kiểm tra, tự phát hiện và xử lý các hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong nội bộ; thực hiện hiệu quả các giải pháp phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, nhất là cơ chế kiểm soát quyền lực trong các lĩnh vực, hoạt động dễ phát sinh tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; phát hiện, xử lý nghiêm minh các hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, không có vùng cấm, không có ngoại lệ; bảo vệ, khuyến khích người phát hiện, tố giác, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, dám nghĩ, dám làm. Tổ chức thực hiện hiệu quả Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí. Chú trọng thu hồi tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

1.1.6. Đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng

Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả nhiệm vụ đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới, trong đó tập trung đổi mới, nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành văn bản của Đảng theo hướng đồng bộ, toàn diện; lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng phù hợp với yêu cầu thực tiễn, gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện. Tiếp tục đổi mới, sáng tạo, linh hoạt trong lãnh đạo, chỉ đạo; nâng cao năng lực dự báo, hoạch định; xác định đúng nội dung và giải pháp thực hiện; phân công, phân nhiệm cụ thể, phù hợp; phát huy vai trò, trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên; đẩy mạnh cải cách hành chính trong Đảng. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, hiện đại hóa hạ tầng công nghệ phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy các cấp.

1.2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp

1.2.1. Nâng cao chất lượng quản lý điều hành của chính quyền các cấp

Lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội; tích cực tham gia xây dựng pháp luật; nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thi hành pháp luật; giám sát việc thi hành pháp luật, nghị quyết của Quốc hội tại địa phương, nâng cao vị thế của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh trong các hoạt động của Quốc hội. Hội đồng nhân dân các cấp tiếp tục phát huy vai trò là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương; chú trọng nâng cao chất lượng đại biểu, chất lượng các kỳ họp, hoạt động giám sát, tiếp xúc cử tri, tiếp công dân và quyết định các biện pháp, cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của UBND các cấp;

tạo sự đột phá mạnh mẽ về cách thức, hiệu quả tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết về phát triển kinh tế, xã hội; khẳng định vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu chính quyền địa phương. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Tăng cường phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền; tăng cường công tác phối hợp liên ngành, liên cấp trong quá trình xây dựng và thực hiện chính sách; đơn giản hóa các thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết, tạo điều kiện tốt nhất cho người dân, doanh nghiệp khi đến giao dịch. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp; gắn cải cách bộ máy hành chính với cải cách chế độ công vụ, nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính.

1.2.2. Tăng cường xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu tình hình mới

Tập trung xây dựng, sắp xếp, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp phù hợp; có đủ phẩm chất, năng lực, trí tuệ, tâm huyết, trách nhiệm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ nữ, người dân tộc thiểu số, cán bộ trẻ trong bộ máy chính quyền các cấp. Nâng cao chất lượng tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính; đạo đức công vụ, văn hoá công sở của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ.

1.2.3. Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân

Tăng cường công tác thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật của các cấp, các ngành gắn với thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về phát triển kinh tế - xã hội, nhằm phát huy hiệu quả của các nguồn lực và giữ vững trật tự kỷ cương, pháp luật, minh bạch trong quản lý Nhà nước. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thanh tra, kết luận, xử lý nghiêm các sai phạm, tăng cường giám sát hoạt động của các đoàn thanh tra và đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra. Thực hiện tốt việc tiếp công dân, đối thoại trực tiếp với dân, giải quyết kịp thời, hiệu quả khiếu nại, tố cáo và xử lý kiến nghị, phản ánh của công dân, tổ chức theo quy định, bảo đảm quyền lợi chính đáng của người dân; hạn chế khiếu kiện đông người, phức tạp, kéo dài. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục, phổ biến, tuyên truyền pháp luật, ý thức chấp hành pháp luật của Nhân dân.

1.3. Phát huy dân chủ, sức mạnh đại đoàn kết các dân tộc; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động theo hướng thiết thực, hướng mạnh về cơ sở.

Đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân, tăng cường phát triển hội viên, đoàn viên; phát huy vai trò lực lượng nòng cốt, người có uy tín. Nâng cao chất lượng các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước; tuyên truyền, cổ vũ và nhân rộng các mô hình điển hình tiên tiến trên các lĩnh vực, khơi dậy tinh thần thi đua sáng tạo, tích cực giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống, xóa bỏ các phong tục tập quán lạc hậu, tổ chức tốt ngày hội Đại đoàn kết tại khu dân cư. Thực hiện tốt vai trò đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng cho đoàn viên, hội viên và nhân dân; làm tốt chức năng giám sát, phản biện xã hội, xây dựng Đảng, chính quyền, giám sát việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu. Tập trung nắm bắt dư luận xã hội, tình hình nhân dân. Tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tăng cường đồng thuận xã hội, phát huy vai trò làm chủ, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Tập trung bồi dưỡng, nâng cao lòng yêu nước, bản lĩnh chính trị, nhận thức pháp luật, trình độ học vấn, tay nghề cho đoàn viên, hội viên và nhân dân, nhất là thế hệ trẻ. Phát huy vai trò, phối hợp chặt chẽ các tầng lớp, các giới. Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh cả số lượng và chất lượng, có bản lĩnh, trình độ, kỹ năng, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc. Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong sản xuất, kinh doanh, phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới. Xây dựng đội ngũ trí thức, văn nghệ sỹ, doanh nhân ngày càng lớn mạnh, giàu lòng yêu nước, có đạo đức và lý tưởng cách mạng. Bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, lòng yêu nước, tự hào dân tộc, ý chí, khát vọng phát triển, tinh thần xung kích, sáng tạo của thanh niên. Thực hiện đồng bộ và toàn diện các giải pháp về bình đẳng giới vì sự tiến bộ của phụ nữ. Nâng cao vai trò và vị thế của phụ nữ trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Phát huy vai trò của cựu chiến binh trong xây dựng Đảng, chính quyền, phát triển kinh tế - xã hội; trí tuệ, uy tín, kinh nghiệm người cao tuổi trong gia đình, cộng đồng, xã hội và giáo dục lòng yêu nước cho thế hệ trẻ.

Phát huy vai trò tích cực của các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp tập hợp, đoàn kết lực lượng, động viên tinh thần cống hiến của các hội viên cho sự nghiệp phát triển của tỉnh.

2. Tiếp tục cơ cấu lại các ngành kinh tế, tạo động lực thúc đẩy thực hiện mục tiêu tăng trưởng nhanh, xanh và bền vững

2.1. Phát triển nông, lâm nghiệp hàng hóa, tăng trưởng xanh; tạo đột phá trong xây dựng nông thôn mới

Xác định nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản là ngành quan trọng, là trụ đỡ của nền kinh tế, có tiềm năng, lợi thế trong định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội và giảm nghèo. Tiếp

tục phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực, xây dựng nền nông nghiệp sản xuất tích hợp đa giá trị, nông nghiệp hàng hóa tập trung. Tiếp tục tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp; khai thác và phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương. Đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai, ứng dụng khoa học công nghệ để phát triển nông nghiệp sạch, hữu cơ, tuần hoàn, theo hướng hàng hóa tập trung quy mô lớn, chất lượng, gắn kết chặt chẽ sản xuất với bảo quản, chế biến, tiêu thụ nông sản, truy xuất nguồn gốc, cấp nhãn hiệu, chỉ dẫn vùng trồng. Đẩy mạnh thu hút đầu tư, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, thực hiện liên kết vùng trên cơ sở tiềm năng, thế mạnh của từng địa phương, tạo sự phát triển đồng bộ, bền vững.

Duy trì diện tích sản xuất lúa nước trên 20.300 ha, đảm bảo an ninh lương thực, trong đó duy trì diện tích sản xuất hàng hóa tập trung trên 3.500 ha đảm bảo 100% diện tích sản xuất lúa hàng hóa được xử lý và tái sử dụng phụ phẩm trong sản xuất. Tiếp tục đầu tư thâm canh, nâng cao chất lượng vùng nguyên liệu chè theo hướng chất lượng, an toàn với diện tích trên 10.000 ha, 100% diện tích chè sản xuất tập trung được quản lý, cấp mã số vùng trồng, mã cơ sở đóng gói, truy xuất nguồn gốc, trong đó theo tiêu chuẩn hữu cơ đạt tối thiểu 25%, thực hiện cấp mã số vùng trồng cho 100% diện tích tập trung để quản lý khâu sản xuất gắn truy xuất nguồn gốc, trồng tái canh, trồng mới gắn với liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm, quy mô khoảng 2.500 ha, tại các khu vực có độ cao trên 700m. Tiếp tục nghiên cứu chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng tăng giá trị, bền vững trên đất ruộng một vụ, nương rẫy, đất trồng cây giá trị kinh tế thấp, đẩy mạnh các sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp có lợi thế của tỉnh như cây ăn quả, cây hoa, cây dược liệu,... Phát triển đa dạng các sản phẩm cây ăn quả theo nhu cầu thị trường, hình thành vùng cây ăn quả tập trung, bền vững gắn với liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, thực hiện cấp mã vùng trồng, mã cơ sở đóng gói gắn với các cơ sở thu mua chế biến.

Tiếp tục phát huy tiềm năng, lợi thế để phát triển ngành chăn nuôi theo hướng bền vững, nâng cao giá trị gia tăng; từng bước chuyển đổi phát triển theo hướng trang trại, ứng dụng KH-CN, an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường, các cơ sở chăn nuôi quy mô trang trại có hệ thống xử lý chất thải với biện pháp phù hợp; phần đầu 100% cơ sở chăn nuôi quy mô trang trại; 70% cơ sở chăn nuôi nông hộ có hệ thống xử lý chất thải bằng Biogas, đệm lót sinh học,.. đảm bảo yêu cầu. Duy trì sản lượng thịt hơi các loại; hình thành chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của tỉnh về diện tích mặt nước, khí hậu để phát triển các loài thủy sản có giá trị kinh tế cao quy mô khoảng 5.000 ha, phát triển theo hướng bảo an toàn thực phẩm, thực hiện cấp chứng nhận và quản lý các cơ sở nuôi trồng, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung đảm bảo an toàn thực phẩm.

Thực hiện đồng bộ các hoạt động quản lý, bảo vệ, khoanh nuôi, trồng rừng, khai thác, chế biến, thương mại lâm sản, dịch vụ môi trường rừng gắn với du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng; mở rộng diện tích vùng trồng rừng mới, tập trung trồng lại rừng sau khai thác. Phát triển kinh tế rừng bền vững dựa trên cơ sở quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên rừng; xây dựng thí điểm một số mô hình quản lý rừng bền vững dựa vào cộng đồng; đẩy mạnh phát triển kinh tế dưới tán rừng. Tập trung nghiên cứu phát triển vùng trồng sâm Lai Châu đảm bảo nguồn gốc xuất xứ, đạt tiêu chuẩn GACP-WHO hoặc tương đương, thực hiện phát triển vùng sâm khoảng 3000 ha tại các vùng có điều kiện phù hợp trên địa bàn toàn tỉnh; tạo sinh kế, nâng cao thu nhập cho người dân vùng có rừng và hưởng lợi từ rừng, góp phần bảo tồn đa dạng sinh học, đảm bảo an ninh quốc phòng và an ninh nguồn nước. Bảo vệ, phát triển tốt diện tích cây quế, mắc ca, mở rộng diện tích trồng mới những nơi có điều kiện; chăm sóc bảo vệ tốt diện tích cao su hiện có, tăng sản lượng khai thác, tăng thu nhập từ cao su. Tập trung ưu tiên nghiên cứu phát triển vùng trồng sâm Lai Châu toàn tỉnh, tại các vùng có khả năng thích ứng, đảm bảo nguồn gốc xuất xứ, đạt tiêu chuẩn GACP-WHO hoặc tương đương. Tiếp tục nghiên cứu, thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm giảm phát thải khí nhà kính; tìm hiểu các điều kiện, xây dựng cơ sở dữ liệu làm tiền đề phát triển thị trường tín chỉ các-bon.

Xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa theo hướng "nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh", phát triển kinh tế nông thôn, bảo vệ môi trường sinh thái, cải thiện nhanh điều kiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân, tập trung xây dựng nông thôn mới gắn với phát triển du lịch, duy trì và nâng cao chất lượng sản phẩm Ocop; nâng cao các tiêu chí đã đạt chuẩn; từng bước thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới cấp thôn, bản.

2.2. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp có lợi thế gắn với bảo vệ môi trường

Tiếp tục phát triển công nghiệp theo hướng bền vững, là động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tập trung ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp có tiềm năng thế mạnh của tỉnh: Ưu tiên các dự án chế biến sâu các sản phẩm nông, lâm sản và phát triển công nghiệp chế biến đồ uống; công nghiệp sản xuất điện, trong đó tiếp tục mở rộng các nhà máy thủy điện hiện có để đảm bảo sản lượng điện ổn định đến năm 2030, thu hút đầu tư phát triển và khai thác tốt các tiềm năng phát triển năng lượng mặt trời, thủy điện tích năng theo quy hoạch; công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, phát triển vật liệu mới; công nghiệp khai khoáng, tiếp tục thu hút các nhà đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến khoáng sản với công nghệ hiện đại gắn với sản xuất các sản phẩm sử dụng nguyên liệu đầu vào từ khoáng sản trên địa bàn tỉnh, tích cực, chủ động làm việc với các đối tác, nhà đầu tư để sớm triển khai dự án

khai thác và chế biến đất hiếm. Tiếp tục rà soát và tháo gỡ kịp thời khó khăn vướng mắc cho các dự án công nghiệp đang triển khai để nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ hoàn thành đúng kế hoạch.

Hình thành và phát triển các khu, cụm công nghiệp phù hợp với quy hoạch, đáp ứng yêu cầu phát triển, trong đó tập trung vào các ngành chế biến nông, lâm thủy sản, chế biến khoáng sản ...; thu hút, bố trí nguồn lực hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu, cụm công nghiệp nhằm tạo điều kiện thu hút đầu tư vào phát triển các ngành công nghiệp có thế mạnh trên địa bàn tỉnh.

2.3. Thúc đẩy dịch vụ, thương mại, du lịch phát triển

Phát triển ngành dịch vụ đa dạng, hiện đại, bền vững trên cơ sở khai thác tối đa thế mạnh của tỉnh và theo kinh tế thị trường; huy động mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân để phát triển khu vực dịch vụ. Tập trung đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, thương mại điện tử, hỗ trợ cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh quảng bá, giới thiệu sản phẩm, hàng hóa của tỉnh nhất là trên các nền tảng số, kết nối mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Chú trọng xây dựng, phát triển bền vững dịch vụ logistics đảm bảo đáp ứng nhu cầu của xã hội với chất lượng ngày càng cao, chi phí thấp, an toàn, nhanh chóng, thuận lợi; duy trì ổn định các tuyến vận tải hiện có, ưu tiên mở các tuyến vận tải nội vùng, liên vùng, các tuyến vận tải đến các trung tâm kinh tế lớn của đất nước, quan tâm kết nối vận tải với tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Phát triển toàn diện khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng theo quy hoạch nhằm tập trung đầu tư phát triển một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực của tỉnh, hạn chế thấp nhất tình trạng xuất thô, tăng nhanh tỷ trọng hàng chế biến. Phát triển thương mại với thị trường Trung Quốc theo hướng “chính ngạch” bền vững. Tăng cường liên kết vùng, khai thác tối đa lợi thế về vị trí trong việc kết nối kinh tế, thương mại, dịch vụ với các địa phương trong vùng và quốc tế. Phát triển dịch vụ logistics gắn với Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng; từng bước hình thành trung tâm logistics, các điểm trung chuyển, kho vận, bến bãi hiện đại phục vụ xuất nhập khẩu hàng hóa; thúc đẩy hình thành chuỗi dịch vụ khép kín từ sản xuất, chế biến nông sản đến tiêu thụ, xuất khẩu. Khuyến khích phát triển sàn giao dịch hàng hóa qua biên giới, tạo điều kiện cho doanh nghiệp, hợp tác xã tiếp cận thị trường quốc tế một cách minh bạch, hiệu quả, góp phần nâng cao giá trị gia tăng hàng hóa và thu hút đầu tư.

Khuyến khích, đẩy mạnh xã hội hóa để phát triển các dịch vụ văn hóa, giáo dục, y tế, thể thao,... theo cơ chế thị trường. Tập trung ưu tiên phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng trong cơ cấu khối dịch vụ của tỉnh. Cấu trúc lại sản phẩm du lịch theo hướng đa dạng, độc đáo, chất lượng cao, trong đó tập trung rà soát, khắc phục tình trạng trùng lặp, đơn điệu của

sản phẩm và tiếp tục khai thác hiệu quả sản phẩm sẵn có; phát triển các sản phẩm du lịch mới đặc thù, có thể thế mạnh của tỉnh.

Phát triển du lịch cộng đồng trên cơ sở bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của các dân tộc trên địa bàn tỉnh, trong đó chú trọng hỗ trợ đầu tư hạ tầng du lịch thiết yếu về kết nối giao thông, đường nội bản, bãi đỗ xe, biển chỉ dẫn, điểm dừng chân ngắm cảnh, hệ thống nước sạch, vệ sinh công cộng, xử lý rác thải; phát triển dịch vụ lưu trú trên cơ sở các homestay mang đậm bản sắc văn hoá từ kiến trúc truyền thống của nhà ở đến không gian sinh hoạt văn hoá và thưởng thức ẩm thực và phục dựng, duy trì tổ chức các lễ hội truyền thống. Phấn đấu đến năm 2030 toàn tỉnh có trên 15 điểm bản được công nhận là điểm du lịch cộng đồng, trong đó phấn đấu bản Sin Suối Hồ đạt giải thưởng điểm du lịch tốt nhất thế giới; các bản Sìn Thầu Chải, Lao Chải 1 đạt giải thưởng du lịch cộng đồng ASEAN.

Phát triển du lịch thể thao mạo hiểm trên cơ sở khai thác hiệu quả, bền vững các cung đường trekking tới đỉnh núi cao của Lai Châu như Pu Ta Leng, Bạch Mộc Lương Tử, Pu Si Lung, Tả Liên Sơn; phát triển các điểm bay dù lượn đạt chuẩn đủ điều kiện phục vụ du khách thường xuyên... Trong đó chú trọng đến vấn đề an toàn và nâng cao chất lượng dịch vụ cho du khách thông qua việc khoanh vùng xác định phạm vi các khu vực được khai thác; xây dựng, phân hạng cấp độ khó cho từng tuyến; hỗ trợ đầu tư hệ thống biển chỉ dẫn, trạm dừng nghỉ, cứu hộ cho từng tuyến, tập huấn nhân lực; lựa chọn và cấp phép cho đơn vị đủ điều kiện khai thác các tour du lịch mạo hiểm theo quy định.

Phát triển du lịch sinh thái nghỉ dưỡng trên cơ sở lợi thế về cảnh quan thiên nhiên, điều kiện khí hậu và các sản phẩm dược liệu, trong đó ưu tiên thu hút đầu tư phát triển các dự án trong danh mục quy hoạch các khu du lịch quốc gia và khu du lịch cấp tỉnh đã được tích hợp trong quy hoạch tỉnh và quy hoạch hệ thống du lịch quốc gia. Phấn đấu đến năm 2030 thiến các điều kiện, tiêu chuẩn để công nhận ít nhất 5 khu du lịch cấp tỉnh gồm: Khu du lịch Cầu Kính rồng mây; Khu du lịch sinh thái đỉnh đèo Hoàng Liên; Khu du lịch Vườn Địa Đàng; Khu du lịch sinh thái Nghỉ dưỡng Pắc Ta; Khu du lịch suối Phiêng Phát...

Phát triển du lịch canh nông (du lịch gắn với nông nghiệp) theo hướng xanh, bền vững dựa trên lợi thế riêng có của ngành nông nghiệp như: Phát triển các tour du lịch thăm quan, trải nghiệm, đi bộ, giải trí dưới tán rừng, đặc biệt là vùng rừng có trà cổ thụ, rừng lá phong, rừng đỗ quyên và vùng rừng có trồng dược liệu quý như sâm Lai Châu... Xây dựng các điểm check in cảnh quan, tour tham quan vùng chè, vùng mắc ca, vùng trồng mận, đào lê, cánh đồng lúa Mường Than và các khu vực ruộng bậc thang đẹp như Tả Lèng, Tả Mung, Dào San, Thu Lũm... gắn với các hoạt động văn hoá, lễ hội ngành hàng như Lễ hội trà Tân Uyên, lễ hội hái Lê Giang Ma... Khai thác

các tour thăm quan trải nghiệm và thưởng thức các sản phẩm ẩm thực từ thủy sản tại vùng lòng hồ và các điểm nuôi cá nước lạnh. Đẩy mạnh phát triển các sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp đặc sản địa phương, sản phẩm quà tặng lưu niệm từ sản vật địa phương đáp ứng đầy đủ nhu cầu mua sắm và tiêu dùng của du khách.

Đẩy mạnh việc liên kết các điểm đến trong tỉnh, đa dạng các loại hình du lịch trong cùng một tour để tăng trải nghiệm và kéo dài thời gian lưu trú cho du khách. Lựa chọn các sản phẩm du lịch thế mạnh và đặc trưng của tỉnh tham gia các hoạt động liên kết vùng Tây Bắc với các tỉnh, thành phố lớn trong cả nước. Đồng thời tăng cường các hoạt động hội thảo, trao đổi thông tin, khảo sát, kết nối doanh nghiệp Lai Châu với doanh nghiệp tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) để tiến tới phát triển các tuyến du lịch xuyên biên giới qua cặp cửa khẩu Ma Lù Thàng – Kim Thủy Hà.

Đẩy mạnh xúc tiến du lịch có chiều sâu, với các hoạt động xúc tiến đa dạng, ưu tiên vào một số thị trường khách du lịch quốc tế tiềm năng, có nhu cầu nghỉ dưỡng, tìm hiểu, trải nghiệm dài ngày, phù hợp với các loại hình du lịch có thế mạnh của tỉnh; thúc đẩy chuyển đổi số vào hoạt động tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến du lịch địa phương.

Làm tốt công tác quy hoạch, nhất là quy hoạch phân khu, quy hoạch xây dựng các khu, điểm du lịch cấp tỉnh, đặc biệt tập trung lập và triển khai quy hoạch chung 02 địa điểm tiềm năng trở thành Khu du lịch Quốc gia tại cao nguyên Sìn Hồ và đèo Ô Quy Hồ. Rà soát, ban hành các chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển hạ tầng du lịch thiết yếu và sản phẩm du lịch đặc thù theo quy hoạch tại các Khu vực tiềm năng phát triển thành khu du lịch quốc gia; chính sách bảo tồn phát huy các giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của các dân tộc gắn với du lịch giai đoạn 2026-3030 và các chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư chiến lược, có năng lực phát triển các khu du lịch, dịch vụ phức hợp với quy mô lớn, các trung tâm mua sắm, vui chơi giải trí đạt chuẩn theo hướng hiện đại, có giá trị gia tăng cao. Tiếp tục quan tâm hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch, nhất là là người làm du lịch trực tiếp tại các khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh và nhân lực du lịch cộng đồng.

Chú trọng phát triển, mở rộng các nguồn thu. Tăng cường các biện pháp thu ngân sách gắn với khuyến khích, tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh. Quản lý, điều hành chặt chẽ chi ngân sách nhà nước, cơ cấu lại nhiệm vụ chi ngân sách, giảm chi thường xuyên, tăng chi đầu tư phát triển; sử dụng hiệu quả vốn đầu tư công, vốn các chương trình mục tiêu, triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; cân đối, sử dụng hiệu quả các nguồn thu, chi ngân sách, đảm bảo nguồn lực thực hiện các đề án, nghị quyết phát triển kinh tế, xã hội. Tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, kiểm soát và xử lý nợ xấu; hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất, lĩnh

vực ưu tiên; tiếp tục thực hiện Chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp dưới nhiều hình thức, các chương trình thực hiện tháo gỡ khó khăn cho người dân, doanh nghiệp.

2.4. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, nhất là hạ tầng giao thông, tạo đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội

Rà soát, đề xuất điều chỉnh quy hoạch hệ thống mạng lưới giao thông đường bộ của tỉnh, đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Tập trung, ưu tiên nguồn lực để đầu tư xây dựng, tạo bước đột phá về hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông trọng yếu để phá thế độc đạo, đảm bảo tính kết nối và rút ngắn khoảng cách của tỉnh với các địa phương, các vùng kinh tế trọng điểm trong khu vực, cả nước theo quy hoạch được phê duyệt.

Tập trung phát triển hệ thống giao thông đối ngoại để kết nối với các tỉnh và các trung tâm kinh tế lớn, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội. Chủ động, tích cực đề xuất với Chính phủ, làm việc các Bộ ngành liên quan để sớm đầu tư tuyến đường cao tốc CT13 Bảo Hà - Lai Châu, phân đấu hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư trước năm 2030. Phối hợp các đơn vị thuộc Bộ Xây dựng sớm khởi công xây dựng Hàm đường bộ qua đèo Khau Co để tháo gỡ điểm nghẽn, nút thắt trên tuyến đường nối tỉnh Lai Châu với cao tốc Nội Bài - Lào Cai; phê duyệt quy hoạch chi tiết cảng hàng không Lai Châu để làm cơ sở kêu gọi, thu hút đầu tư.

Ưu tiên, tập trung nguồn lực đầu tư một số tuyến quốc lộ chính yếu nhằm tháo gỡ điểm nghẽn, nút thắt về hạ tầng để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường đảm bảo quốc phòng, an ninh; hoàn thành dự án Hàm đường bộ qua đèo Hoàng Liên; ưu tiên đầu tư cải tạo, nâng cấp, mở rộng tuyến QL 4D đoạn từ Hàm qua đèo Hoàng Liên đến trung tâm tỉnh Lai Châu theo quy hoạch được duyệt; nâng cấp, cải tạo một số đoạn tuyến QL.4D và QL.12 đoạn từ trung tâm tỉnh Lai Châu đến cửa khẩu Ma Lù Thàng; tiếp tục đàm phán để triển khai xây dựng cầu đa năng tại khu vực cửa khẩu Ma Lù Thàng kết nối sang Trung Quốc để phát triển kinh tế cửa khẩu; nâng cấp, cải tạo, sửa chữa một số đoạn tuyến QL.4H thuộc địa phận tỉnh Lai Châu.

Phát triển hệ thống giao thông nội vùng, liên vùng, những tuyến có sức lan tỏa lớn để khai thác tiềm năng, thế mạnh của vùng, tăng khả năng kết nối và tiêu thụ sản phẩm. Tập trung nguồn lực đầu tư một số tuyến đường tỉnh, đường kết nối liên vùng quan trọng, trong đó ưu tiên cải tạo, nâng cấp một số đoạn tuyến đường tỉnh: ĐT.132; ĐT.128; ĐT.130; ĐT.135; cải tạo, sửa chữa một số đoạn tuyến đường từ cầu Pắc Ma đi cửa khẩu U Ma Tu Khoàng; nâng cấp, cải tạo một số tuyến đường tuần tra biên giới, đường ra mốc giới,... Quan tâm phát triển hạ tầng giao thông nông thôn, ưu tiên đầu tư các tuyến đường xã, liên xã theo cấp xã mới được sáp nhập, đảm bảo liên thông thuận lợi giữa các địa phương, địa bàn theo đơn vị hành chính mới; các tuyến

đường tại các khu, điểm tái định cư các thủy điện, các tuyến đường đến thôn, bản, đường giao thông phục vụ phát triển sản xuất nông - lâm nghiệp.

Phát triển hạ tầng giao thông đô thị, trong đó ưu nghiên cứu tư một số tuyến thuộc trung tâm các đơn vị hành chính của Tỉnh. Kêu gọi thu hút đầu tư xây dựng hệ thống bến xe, bãi đỗ xe, điểm dừng nghỉ, trung tâm đào tạo lái xe và xây dựng một số bến, cảng thủy nội địa quan trọng theo quy hoạch đã được phê duyệt.

Hoàn thiện hệ thống quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh, trong đó tập trung ưu tiên hoàn thành quy hoạch nông thôn mới cho các xã mới sáp nhập. Phát triển hệ thống đô thị theo hướng xanh, thông minh và bền vững, có hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại, lựa chọn các dịch vụ thông minh phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội tại địa phương để từng bước xây dựng các đô thị theo hướng đô thị thông minh, đô thị tăng trưởng xanh. Ưu tiên nguồn lực để đầu tư đồng bộ, hoàn chỉnh hệ thống trụ sở làm việc, nhà công vụ, trang thiết bị của các xã, phường để đảm bảo ổn định cơ sở vật chất làm việc theo mô hình chính quyền xã mới sau sáp nhập.

Đầu tư đồng bộ hệ thống lưới điện truyền tải, phân phối đảm bảo cung cấp điện liên tục, ổn định đáp ứng nhu cầu phụ tải của tỉnh và giải tỏa hết công suất phát các dự án thủy điện trên địa bàn tỉnh lên lưới điện quốc gia. Đầu tư cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi để nâng cao hiệu quả hoạt động, tưới tiêu chủ động; ưu tiên các vùng sản xuất hàng hoá tập trung, sản phẩm chủ lực; phát triển các giải pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm gắn với phát triển nông nghiệp công nghệ cao, chuyển đổi số; nâng cấp các công trình nước sinh hoạt nông thôn, nâng tỷ lệ công trình nước sạch gắn với đổi mới công tác quản lý, vận hành, bảo trì, bảo đảm sử dụng công trình bền vững.

Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại đồng bộ, đa dạng từ thành thị đến nông thôn; phát triển hệ thống mạng lưới chợ, siêu thị theo định hướng quy hoạch được duyệt. Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp chợ phiên thuộc các xã biên giới đáp ứng nhu cầu trao đổi, lưu thông hàng hóa khu vực biên giới. Đầu tư hạ tầng Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng, hạ tầng cửa khẩu Ma Lù Thàng, đáp ứng yêu cầu cửa khẩu Quốc tế, cửa khẩu số, thông minh; từng bước đầu tư hạ tầng khu công nghiệp Mường So.

Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các cơ sở y tế từ tuyến tỉnh đến cơ sở đảm bảo đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe của Nhân dân; thu hút đầu tư và khuyến khích phát triển hệ thống y tế ngoài công lập. Rà soát, sắp xếp, đầu tư các cơ sở giáo dục phổ thông, mầm non các cấp đáp ứng tiêu chuẩn về cơ sở vật chất, thiết bị đạt chuẩn theo quy định; phấn đấu tỷ lệ phòng học được kiên cố hóa đạt 100%; khuyến khích, thu hút đầu tư các cơ sở giáo dục đào tạo ngoài công lập. Rà soát, sắp xếp, đầu tư các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và trợ giúp xã hội đáp ứng tiêu chuẩn, đạt chuẩn theo quy

định. Dành nguồn lực đầu tư các thiết chế văn hóa cấp tỉnh quan trọng như Bảo tàng tỉnh, Trung tâm văn hóa tỉnh đạt chuẩn theo quy định; đầu tư, nâng cấp các thiết chế văn hóa, thể thao cấp xã, thôn. bản.

Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, thiết bị về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Xem xét, nghiên cứu, đầu tư đơn vị sự nghiệp thực hiện chức năng đổi mới sáng tạo phục vụ ươm tạo, phát triển và chuyển giao công nghệ, thử nghiệm chính sách mới, đặc thù, các hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm, phát triển và chuyển giao công nghệ nhằm hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp. Phát triển hạ tầng số, chú trọng nâng cao dung lượng kết nối, chất lượng dịch vụ mạng, phủ sóng chất lượng ở các vùng trắng, vùng lõm về kết nối mạng băng thông rộng làm nền tảng phát triển kinh tế số và xã hội số trên phạm vi toàn tỉnh, phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội.

2.5. Phát triển các thành phần kinh tế

Triển khai và thực hiện hiệu quả các Đề án cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được phê duyệt; đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động, sản xuất, kinh doanh một cách toàn diện, thông qua đổi mới, tối ưu hoá các phương thức sản xuất, hợp tác, công nghệ, quản trị, nhân sự...

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới, trong đó tập trung phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể với nhiều mô hình hợp tác, liên kết phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh; tiếp tục thu hút ngày càng nhiều hộ nông dân, gia đình, cá nhân và tổ chức tham gia.

Tập trung phát triển kinh tế tư nhân thực sự trở thành một động lực quan trọng nhất đối với kinh tế của tỉnh theo đúng tinh thần Nghị quyết 68-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 138/NQ-CP của Chính phủ nhằm tạo ra những động lực tăng trưởng mới kinh tế của tỉnh. Trong đó tập trung xây dựng và cụ thể hóa thể chế, cơ chế chính sách phát triển kinh tế tư nhân. Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu và triển khai, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, ứng dụng mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế chia sẻ, các mô hình, lĩnh vực sản xuất kinh doanh mới. Tăng cường kết nối kinh doanh, hợp tác cùng phát triển, khai thác thế mạnh, thúc đẩy liên kết, hợp tác giữa doanh nhân, doanh nghiệp với nông dân theo hướng xây dựng các mô hình sản xuất theo chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị. Triển khai đồng bộ các nhiệm vụ giải pháp Nghị quyết số 41-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ mới.

Thu hút mạnh nguồn lực của các nhà đầu tư nước ngoài theo quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết số 50-NQ/TW của Bộ Chính trị; Chiến lược hợp tác đối ngoại nhân dân giai đoạn 2021-2030 theo Quyết định số 667/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Tập trung thu hút đầu tư nước ngoài có chọn lọc, hướng đến các dự án công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, dự án đầu tư xanh, có giá trị gia tăng cao, quản trị hiện đại, tạo sự kết nối lan tỏa giữa khu vực đầu tư nước ngoài và khu vực kinh tế trong nước, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu, đề cao trách nhiệm với xã hội và bảo vệ môi trường.

2.6. Phát triển kinh tế vùng

Tiếp tục tập trung phát triển 02 vùng kinh tế đã xác định. Vùng kinh tế động lực (dọc theo Quốc lộ 4D, 32): Tập trung phát triển du lịch sinh thái, mạo hiểm, văn hóa cộng đồng; công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản; chế biến thức ăn chăn nuôi; sản xuất vật liệu xây dựng; khai thác chế biến đất hiếm; phát triển đô thị, kinh tế biên mậu. Vùng kinh tế nông - lâm sinh thái sông Đà (dọc theo Quốc lộ 12, 4H): Bảo vệ phát triển rừng, trồng quế, mắc ca, cao su, cây gỗ lớn, phát triển dược liệu dưới tán rừng (ưu tiên phát triển sâm Lai Châu), dịch vụ môi trường rừng và các sản phẩm đặc hữu; công nghiệp sản xuất điện".

3. Tập trung xây dựng văn hóa, xã hội, đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tạo nền tảng vững chắc cho phát triển bền vững

3.1. Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện, hiệu quả, thực chất giáo dục, đào tạo, tập trung phát triển nguồn nhân lực

Đẩy mạnh đổi mới căn bản, phát triển toàn diện giáo dục và đào tạo. Chú trọng phát triển giáo dục phổ thông, mầm non; giáo dục học sinh theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực gắn với chuẩn hóa đầu ra; tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, giáo dục mũi nhọn; thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục cho mọi đối tượng, quan tâm phát triển giáo dục vùng đặc biệt khó khăn; thu hẹp khoảng cách về chất lượng giữa các vùng trong tỉnh và khu vực.

Duy trì, giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xoá mù chữ. Tập trung xây dựng trường chuẩn quốc gia, trường có lớp học thông minh các cấp học, trường học hạnh phúc; khuyến khích phát triển loại hình giáo dục ngoài công lập phù hợp với điều kiện phát triển của tỉnh.

Huy động các nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên bảo đảm chất lượng và cơ cấu đáp ứng mục tiêu đổi mới giáo dục. Thực hiện đồng bộ, toàn diện chuyển đổi số trong trường học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, ưu tiên tập trung các ngành nghề và kỹ năng mới, phù hợp với nhu cầu thị trường lao động; khuyến khích doanh nghiệp

đào tạo nghề cho người lao động. Thực hiện hiệu quả công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh phổ thông.

Phát huy vai trò, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị trong việc đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập, phát triển các mô hình học tập suốt đời theo hướng đa dạng hóa, phù hợp với từng đối tượng, địa phương; quan tâm, hỗ trợ người yếu thế có điều kiện để học tập suốt đời; củng cố, phát huy vai trò của các trung tâm học tập cộng đồng, tăng cường đào tạo từ xa, đào tạo trên nền tảng số”.

3.2. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe Nhân dân; thực hiện tốt chính sách dân số và phát triển

Tổ chức thực hiện hiệu quả Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống y tế theo định hướng hiện đại, hiệu quả và phát triển; đảm bảo phát triển cân đối, hài hòa giữa lĩnh vực khám chữa bệnh với lĩnh vực y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe ban đầu. Củng cố, hoàn thiện và phát triển hệ thống các cơ sở y tế chất lượng; nâng cao hiệu quả hoạt động của các trạm y tế cấp xã theo mô hình mới. Xây dựng hệ thống y tế dự phòng và kiểm soát bệnh tật có đủ năng lực dự báo và kiểm soát dịch bệnh, đảm bảo tiếp cận cho mọi người dân. Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực y tế về số lượng và chất lượng. Phát triển hệ thống y tế ngoài công lập trên cơ sở phát huy nội lực, lợi thế và phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội của địa phương và khu vực lân cận.

Chú trọng nâng cao nhận thức, tăng cường trách nhiệm, đổi mới tư duy, phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chính sách dân số, chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hoá gia đình sang dân số và phát triển, xem dân số là yếu tố quan trọng hàng đầu, là nhiệm vụ chiến lược, vừa cấp thiết, vừa lâu dài, là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân và hệ thống chính trị. Tập trung triển khai đồng bộ và hiệu quả các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dân số, sức khỏe người dân cả về tầm vóc, tuổi thọ, thể chất và tinh thần. Chú trọng chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật; phòng chống suy dinh dưỡng.

3.3. Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Tăng cường đầu tư và nâng cao hiệu quả đầu tư cho phát triển tiềm lực khoa học công nghệ, nhất là công nghệ mũi nhọn, hạ tầng số và cơ sở dữ liệu. Chú trọng ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật và công nghệ vào các ngành kinh tế, xã hội của tỉnh để tạo ra những đột phá về năng suất, chất lượng. Đẩy mạnh phát triển thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm hàng hóa và phát triển tài sản trí tuệ cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa và khả năng

cạnh tranh trên cơ sở áp dụng các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý chất lượng, công cụ cải tiến năng suất chất lượng. Thúc đẩy hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Khuyến khích, tạo môi trường thuận lợi cho khu vực tư nhân và doanh nghiệp đầu tư phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, nhất là công nghệ mới, công nghệ cao.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện trên phạm vi toàn tỉnh; cơ bản hoàn thành chuyển đổi số trên ở các lĩnh vực ưu tiên, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển nhanh và bền vững. Sẵn sàng thử nghiệm các công nghệ và mô hình mới; đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý điều hành của các cơ quan trên toàn tỉnh; hình thành và phát triển môi trường số an toàn, tiện ích phục vụ tốt nhu cầu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống Nhân dân.

3.4. Quan tâm phát triển văn hóa, đảm bảo gắn kết chặt chẽ, hài hòa với phát triển kinh tế

Tiếp tục thực hiện tốt chính sách bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; coi giá trị truyền thống văn hóa - lịch sử, giá trị văn hóa đặc sắc các dân tộc là nguồn lực quan trọng để phát triển du lịch, dịch vụ. Phấn đấu có ít nhất 08 di tích được xếp hạng; 70% di tích quốc gia được đầu tư tu bổ, tôn tạo; nâng cao chất lượng hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa, đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ trong lĩnh vực văn hoá. Tích cực chăm lo, nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của Nhân dân, chú trọng xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, miền, giữa các tầng lớp nhân dân.

Khơi dậy, bồi đắp lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc, khát vọng vươn lên của con người Lai Châu trong thời kỳ mới; phát triển toàn diện con người về đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thẩm mỹ, thể lực, kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh trong từng địa phương, cộng đồng dân cư, cơ quan, doanh nghiệp, trường học và mỗi gia đình; chú trọng phát triển văn hóa chính trị, phát huy vai trò, trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu. Phát triển, lan tỏa các giá trị văn hóa, chuẩn mực đạo đức tốt đẹp, xóa bỏ các hủ tục, phong tục, tập quán lạc hậu; tích cực đấu tranh, phản bác những luận điệu xuyên tạc lịch sử, văn hóa và truyền thống cách mạng.

Triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với “Phong trào xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý về văn hóa, con người trong phát triển.

Chăm lo đội ngũ văn nghệ sỹ, nghệ nhân và những người làm công tác văn hóa, nhất là văn hóa cơ sở.

Chủ động công tác thông tin tuyên truyền, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội. Tuyên truyền về khát vọng phát triển của quốc gia và của tỉnh, cổ vũ mô hình hay, cách làm sáng tạo, gương người tốt, việc tốt. Kiên quyết đấu tranh chống các hành vi sai trái, phản bác các quan điểm, luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch; thông tin phản hồi những vấn đề được dư luận quan tâm.

3.5. Thực hiện tốt công tác gia đình, công tác bình đẳng giới; bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; phát triển thể dục - thể thao

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp đối với công tác xây dựng gia đình; nâng cao nhận thức cho Nhân dân về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của gia đình trong việc hình thành, nuôi dưỡng và giáo dục nhân cách, bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Xây dựng văn hóa gia đình, nhà trường và xã hội nhằm bảo vệ, gìn giữ thuần phong, mỹ tục, tình thân tương thân, tương ái, đoàn kết, nghĩa tình, trọng đạo lý, kết hợp giữa truyền thống và hiện đại. Thực hiện tốt công tác bảo vệ quyền trẻ em; tăng cường bảo vệ, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng.

Hoàn thiện hệ thống thiết chế thể thao, tăng cường giáo dục thể chất và thể thao trường học, đẩy mạnh phát triển thể thao quần chúng. Duy trì, phát triển phong trào toàn dân tập luyện thể dục, thể thao, nâng cao sức khỏe. Tiếp tục phát triển thể thao thành tích cao.

3.6. Thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững

Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt chủ trương, nghị quyết, kết luận của Đảng, nhà nước về chính sách xã hội. Quan tâm công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, điều dưỡng, đền ơn đáp nghĩa người có công với cách mạng. Thực hiện hiệu quả các chính sách an sinh đối với các đối tượng yếu thế; chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp hằng tháng và đối tượng trong cơ sở trợ giúp xã hội. Đẩy mạnh xã hội hóa trong thực hiện chính sách an sinh xã hội, đảm bảo công bằng trong tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản, thu hẹp khoảng cách về trình độ, thu nhập giữa các nhóm dân cư, tạo điều kiện để đồng bào nâng cao khả năng tự bảo đảm an sinh, cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân. Tăng cường hợp tác, mở rộng thị trường lao động; đẩy mạnh công tác tư vấn, giới thiệu việc làm cho lao động nông thôn, mở rộng đội ngũ cộng tác viên tuyên truyền xuất khẩu lao động tại các xã, thôn, bản.

Tiếp tục triển khai quyết liệt, hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững và các chính sách hỗ trợ giảm nghèo khác; giảm tỷ lệ tái nghèo, nhất là các xã biên giới và vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng

bào dân tộc thiểu số. Đẩy mạnh, nâng cao chất lượng phong trào thi đua "Cả nước chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau", phát huy truyền thống đoàn kết, tương thân, tương ái giúp các hộ nghèo thoát nghèo bằng nhiều hình thức, như: hộ có điều kiện liên kết, hỗ trợ hộ nghèo trong lao động sản xuất; tăng cường trao đổi kinh nghiệm, hỗ trợ vay vốn, cung cấp cây con giống, tạo việc làm tại chỗ; tổ chức tặng quà hộ nghèo, khó khăn đột xuất trên địa bàn. Khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, phát huy nội lực vươn lên "thoát nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no" của người dân và cộng đồng.

3.7. Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo

Tiếp tục thực hiện đồng bộ quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước về công tác dân tộc, đặc biệt là Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Tập trung chỉ đạo giải quyết cơ bản về đường giao thông, đất ở, đất sản xuất, nhà ở, nước sinh hoạt; thực hiện hiệu quả các giải pháp xóa bỏ hủ tục, phong tục, tập quán lạc hậu, xây dựng nếp sống văn minh, văn hóa trong đồng bào các dân tộc thiểu số; đẩy mạnh giải quyết việc làm, tăng thu nhập, cải thiện cuộc sống cho đồng bào dân tộc thiểu số. Quan tâm đào tạo, quy hoạch, xây dựng và phát triển tại chỗ đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số.

Quản lý nhà nước đối với các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo đúng pháp luật. Phát huy giá trị văn hóa tốt đẹp của tín ngưỡng, tôn giáo trong đời sống văn hóa tinh thần của Nhân dân; ngăn chặn kịp thời các hiện tượng tôn giáo mới, "đạo lạ", "tà đạo" hoạt động trên địa bàn, chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh với những hành vi lợi dụng vấn đề dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo để tuyên truyền, lôi kéo, gây chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết các dân tộc, ảnh hưởng an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

3.8. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên; tăng cường bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai

Hoàn thiện và tăng cường thực thi cơ chế, chính sách đảm bảo đồng bộ, thống nhất, đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước trong quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Quản lý chặt chẽ quy hoạch, kế hoạch tài nguyên đất đai, khoáng sản, tài nguyên nước; khai thác sử dụng hiệu quả tài nguyên gắn với bảo vệ môi trường; nâng cao chất lượng lập quy hoạch, kế hoạch và công khai minh bạch thông tin đất đai; thực hiện có hiệu quả chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số. Tập trung xây dựng các cơ sở dữ liệu, đẩy mạnh số hóa quản lý tài nguyên và môi trường. Bảo vệ chặt chẽ các khu bảo tồn thiên nhiên rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, phục hồi các hệ sinh thái; ngăn chặn suy giảm đa dạng sinh học. Tăng cường năng lực quan trắc môi trường; kịp thời giải quyết các vấn đề

ảnh hưởng đến chất lượng, làm suy giảm môi trường; giảm thiểu chất thải nhựa, xử lý ô nhiễm chất thải nhựa, triệt để đưa các trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn, khu du lịch không sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần và túi ni lông khó phân hủy; phát triển cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải rắn, nước thải; quản lý, xử lý chất thải y tế, chất thải nguy hại theo quy định.

Xây dựng, củng cố hệ thống hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai. Nâng cao khả năng dự báo, cảnh báo sớm thiên tai, ứng dụng khoa học và công nghệ thông tin phục vụ công tác cảnh báo thiên tai. Bố trí, ổn định dân cư đảm bảo an toàn tại khu vực nguy cơ về thiên tai trên địa bàn tỉnh.

4. Củng cố, tăng cường quốc phòng, bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; mở rộng quan hệ đối ngoại

4.1. Củng cố, tăng cường quốc phòng, giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia

Tiếp tục quán triệt sâu sắc đường lối, quan điểm của Đảng về quân sự, quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, thế trận phòng thủ liên hoàn theo đơn vị hành chính mới; xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân, biên phòng toàn dân gắn với "thế trận lòng dân", xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh vững chắc, giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia. Kết hợp chặt chẽ giữa hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh. Tích cực chủ động nghiên cứu, đánh giá, dự báo đúng tình hình, xử lý kịp thời các tình huống quốc phòng, an ninh, không để bị động, bất ngờ. Tiếp tục xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh vững mạnh toàn diện "mẫu mực, tiêu biểu" đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

4.2. Bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội

Quán triệt, thực hiện có hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, trọng tâm là các Chỉ thị, Nghị quyết về "Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia"; "công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới". Chủ động nắm chắc tình hình từ sớm, từ xa, kịp thời phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn, vô hiệu hóa các luận điệu xuyên tạc, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, không để bị động, bất ngờ, giải quyết ổn định tình hình ngay tại cơ sở. Mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về đảm bảo an ninh trật tự. Triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm tuyệt đối an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm về an ninh; các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước đến thăm và làm việc tại tỉnh; bảo đảm an ninh trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, tư tưởng, quản lý nhà nước về an toàn thông tin mạng, bảo vệ an ninh dữ liệu, an ninh công nhân; bảo đảm an

ninh, an toàn đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm, công tác quản lý Nhà nước về an ninh, trật tự, nhất là các nhiệm vụ mới được phân công; tăng cường phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn, trấn áp các loại tội phạm và tệ nạn xã hội, nâng cao hiệu quả xử lý tội phạm trên không gian mạng; đẩy mạnh tuyên truyền pháp luật của Nhà nước, huy động sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị trong giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, quyết tâm, quyết liệt phòng, chống và kiểm soát ma túy trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, chú trọng nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến hiệu quả, nâng cao chất lượng các hình thức tự quản, tự phòng, tự bảo vệ, tự hòa giải ngay tại cơ sở; xây dựng nền an ninh nhân dân gắn với nền quốc phòng toàn dân vững chắc; tiếp tục xây dựng Công an phường điển hình, kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị; xây dựng xã, phường điển hình về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; xây dựng lực lượng Công an Lai Châu trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tình hình mới.

4.3. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại

Quản trị và thực hiện hiệu quả đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại. Duy trì và mở rộng quan hệ đối ngoại với các nước, các đại sứ quán và các tổ chức quốc tế; duy trì quan hệ láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện với tỉnh Vân Nam - Trung Quốc; mở rộng quan hệ đối ngoại giữa tỉnh Lai Châu với các tỉnh phía Bắc nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, các địa phương của Hàn Quốc... Tích cực kết nối, ký kết và cụ thể hóa các thỏa thuận hợp tác với các đối tác nước ngoài trên các lĩnh vực tiềm năng và nhu cầu hợp tác. Chủ động tiếp cận các nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, hỗ trợ phát triển chính thức và các chương trình viện trợ phi chính phủ nước ngoài đối với các lĩnh vực còn khó khăn của tỉnh.

V- CÁC KHÂU ĐỘT PHÁ

(1) Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, đảm bảo kết nối thuận lợi giữa Lai Châu với các tỉnh và các trung tâm kinh tế lớn; giao thông nội vùng và các tuyến đường xã biên giới.

(2) Đẩy mạnh hoàn thiện cơ chế, chính sách và cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo động lực thu hút đầu tư phát triển, ưu tiên: nông nghiệp, du lịch gắn với bảo tồn văn hóa, chuyển đổi số...

(3) Tập trung phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển. Phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

VI- CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, sâu sát của cấp ủy các cấp đối với việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV. Tổ chức học tập, quán triệt và tuyên truyền sâu rộng các nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và của Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030, bảo đảm thống nhất trong nhận thức và hành động. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đảng viên; phát huy vai trò nòng cốt của hệ thống chính trị và tinh thần đồng thuận, trách nhiệm của Nhân dân trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết. Coi trọng công tác kiểm tra, giám sát trong tổ chức thực hiện.

2. Tập trung xây dựng, điều chỉnh các quy hoạch phù hợp với chính quyền địa phương 2 cấp. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước cho các công trình, dự án trọng điểm, có tính kết nối liên vùng, tạo sức lan tỏa và động lực phát triển. Đa dạng hóa các hình thức huy động vốn, nhất là đầu tư theo hình thức PPP, vốn ODA, viện trợ, tài trợ... Tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông chiến lược, hạ tầng du lịch, chuyển đổi số, khu kinh tế, cụm công nghiệp, trụ sở làm việc các xã, phường và hạ tầng xã hội thiết yếu khác. Thu hút đầu tư phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn gắn với liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm; đẩy nhanh tiến độ triển khai, hoàn thành các dự án trọng điểm về du lịch, nông nghiệp, tạo động lực cho sự phát triển của tỉnh.

3. Đẩy mạnh cải cách hành chính toàn diện, cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, tăng cường hội nhập quốc tế. Ưu tiên phát triển mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao giá trị gia tăng. Tập trung tháo gỡ điểm nghẽn, thúc đẩy các ngành trụ cột như: Công nghiệp (thủy điện, chế biến đất hiếm, nông lâm thủy sản), dịch vụ (thương mại, biên mậu, du lịch), nông nghiệp (vùng sản xuất hàng hóa, công nghệ cao, hữu cơ...).

4. Thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phục vụ phát triển bền vững. Tăng cường tiếp nhận, chuyển giao, làm chủ công nghệ hiện đại, kỹ thuật tiên tiến; xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp gắn với doanh nghiệp công nghệ. Nâng tỷ lệ đầu tư cho nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ. Nâng cao chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa địa phương. Tăng cường ứng dụng chuyển đổi số trong các lĩnh vực, ưu tiên nông nghiệp, giáo dục, y tế, du lịch, hành chính công.

5. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Đẩy mạnh đổi mới công tác cán bộ, khuyến khích, bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Xây

dựng nền hành chính liêm chính, dân chủ, hiện đại, phục vụ Nhân dân và doanh nghiệp. Chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; nâng cao đạo đức công vụ. Thực hiện hiệu quả các cơ chế thu hút, đào tạo, sử dụng, phát huy nhân tài và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

6. Tăng cường bảo đảm quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường ổn định, thuận lợi cho phát triển. Huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong giữ gìn an ninh chính trị nội bộ, an ninh biên giới, an ninh kinh tế, an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng - an ninh, nhất là tại các địa bàn chiến lược, khu vực biên giới. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh trật tự, xây dựng xã hội kỷ cương, an toàn, văn minh, lành mạnh.

Phát huy những thành tựu đạt được sau hơn 20 năm chia tách, thành lập tỉnh, với tinh thần đoàn kết - dân chủ - kỷ cương - sáng tạo - phát triển, các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang, cùng toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh tiếp tục nỗ lực phấn đấu, vượt qua mọi khó khăn, thách thức thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, cùng cả nước bước vào Kỷ nguyên mới, Kỷ nguyên phát triển hùng cường và giàu mạnh của dân tộc Việt Nam.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH

Phụ lục

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU
NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XIV, NHIỆM KỲ 2020-2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu Nghị quyết Đại hội	Thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV						Ghi chú
				Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2023	Thực hiện năm 2024	Ước thực hiện năm 2025	Ước thực hiện NQĐH XIV	
I	<i>Các chỉ tiêu về kinh tế</i>									
1	- Tốc độ tăng trưởng GRDP	%	9-10	4,20	8,24	-3,42	10,52	8,00	5,39	Không đạt
	- GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	65,0	44,7	49,4	52,2	62,6	65,0	65,0	Đạt
	- Cơ cấu kinh tế									Không đạt
	+ Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	12,44	15,45	14,67	14,53	13,27	14,21	14,21	
	+ Công nghiệp, xây dựng	%	42,42	36,62	39,24	39,42	46,18	44,53	44,53	
	+ Dịch vụ	%	36,43	41,18	39,55	39,54	34,61	35,36	35,36	
	+ Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	8,71	6,74	6,54	6,51	5,94	5,9	5,9	
2	Giá trị gia tăng ngành nông nghiệp	%	>5	5,2	5,1	5,1	4,7	4,93	5,0	Đạt
	Tổng sản lượng lương thực có hạt	Nghìn tấn	226	225	226,16	225,22	228,2	226,0	226,0	Đạt
	Diện tích cây chè	Ha	10.000	8.877	9.446	9.796	10.592	10.811	10.811	Vượt
	+ Diện tích trồng chè mới	Ha	2.400	818	606	410	555	330	2.719	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu Nghị quyết Đại hội	Thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV						Ghi chú
				Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2023	Thực hiện năm 2024	Ước thực hiện năm 2025	Ước thực hiện NQĐH XIV	
	Tốc độ tăng trưởng đàn gia súc	%	>5	5,0	5,1	5,2	5,4	5,0	5,1	Vượt
	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	57,5	41,5	41,5	41,5	41,5	-	-	Không đánh giá
	Số huyện nông thôn mới	Huyện	2	2	2	2	2			Không đánh giá
	Tỷ lệ che phủ rừng	%	54,0	51,4	51,9	52,35	52,95	54,0	54,0	Đạt
3	Thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	3.000	2.067,7	2.233,6	2.242	2.544,7	2.613	2.613	Không đạt
4	Tốc độ tăng tổng kim ngạch xuất nhập khẩu	%/năm	11,5	-14,96	-9,7	-13,07	-23,59	40,9	-6,39	Không đạt
	Tốc độ tăng xuất khẩu hàng hóa địa phương tăng bình quân	%/năm	10,0	145,7	-42,1	-10,6	82,1	13,2	21,3	Vượt
	Tổng lượt khách du lịch tăng bình quân hằng năm	%/năm	20,0	8,07	103,2	37,1	30	8,5	33,4	Vượt
5	Tỷ lệ số thôn, bản có đường xe máy hoặc ô tô đi lại thuận lợi	%	100	97,9	98,6	99,0	99,4	100	100	Đạt
	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia	%	97	95,8	96,2	96,5	96,8	97,1	97,1	Đạt
	Tỷ lệ trường học được xây dựng kiên cố	%	100	99,5	99,7	99,7	100	100	100	Đạt
	Tỷ lệ trạm y tế xã được xây dựng kiên cố	%	100	94,2	94,2	94,2	94,2	100	100	Đạt
	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	93,0	87,0	88,5	90,0	91,5	93,0	93,0	Đạt

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu Nghị quyết Đại hội	Thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV						Ghi chú
				Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2023	Thực hiện năm 2024	Ước thực hiện năm 2025	Ước thực hiện NQĐH XIV	
	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	99,0	96,0	98,7	99,0	99,0	78,7	78,7	Không đánh giá
II	<i>Các chỉ tiêu về văn hóa, xã hội</i>									
6	Giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ em dưới 5 tuổi	Xã	106	106	106	106	106	38	38	Đạt
	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 2 trở lên và đạt chuẩn phổ cập giáo dục Trung học cơ sở mức độ 1 trở lên	%	100	100	100	100	100	100	100	Đạt
	Tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi đến trường:									
	Mẫu giáo	%	98,0	99,6	99,8	99,7	99,8	99,8	99,8	Vượt
	Tiểu học	%	99,8	99,9	99,9	99,9	99,9	99,9	99,9	Vượt
	Trung học cơ sở	%	95,0	94,1	94,3	94,4	94,5	95,5	95,5	Vượt
	Trung học phổ thông	%	60,0	53,0	54,0	56,0	58,0	60,0	60,0	Đạt
	Tỷ lệ trường chuẩn quốc gia	%	66,0	56,6	58,1	62,8	68,9	73,5	73,5	Vượt
7	Tỷ lệ dân số được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử	%	70,0	30,0	40,0	50,0	60,0	70,0	70,0	Đạt
	Số bác sỹ/1 vạn dân	Bác sỹ	13	11,7	12,6	13,0	13,07	13,1	13,1	Đạt
	Mức giảm tỷ suất sinh	‰/năm	0,4	1,61	2,66	0,14	0,42	0,42	0,42	Đạt

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu Nghị quyết Đại hội	Thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV						Ghi chú
				Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2023	Thực hiện năm 2024	Ước thực hiện năm 2025	Ước thực hiện NQĐH XIV	
	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	%	<15	18,71	17,80	16,69	15,84	<15	<15	Đạt
	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi	%	20	25,86	24,15	22,9	21,25	<20	<20	Đạt
8	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	3,0	3,0	3,7	4,7	4,42	3,7	3,9	Vượt
	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo các huyện nghèo	%	4,0	4,3	4,6	6,2	6,12			Không đánh giá
	Giải quyết việc làm cho lao động hằng năm	Người/năm	8.500	8.782	8.863	9.842	10.126	9.460	9.415	Vượt
	Đào tạo nghề cho lao động hằng năm	Người/năm	8.000	8.123	9.203	8.845	7.328	7.325	8.165	Vượt
	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	62,8	53,5	56,0	58,3	60,4	62,4	62,4	Không đạt
9	Tỷ lệ thôn, bản, khu dân cư có nhà văn hóa	%	80,0	77,0	78,0	83,6	84,8	88,6	88,6	Vượt
	Tỷ lệ thôn, bản, khu phố đạt chuẩn văn hóa	%	75,0	74,2	74,4	74,7	74,9	75,0	75,0	Đạt
	Tỷ lệ hộ gia đình đạt chuẩn văn hóa	%	86,0	85,1	85,4	86,0	86,1	86,4	86,4	Vượt
	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa	%	98,0	96,5	96,8	94,1	97,7	98,0	98,0	Đạt
	Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình và nghe đài phát thanh	%	100	89,7	90,7	93,3	95,3	100	100	Đạt
III	Chỉ tiêu về môi trường									
10	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lý	%	>95	98,1	98,0	98,1	98,65	98,65	98,65	Vượt

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu Nghị quyết Đại hội	Thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV						Ghi chú
				Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2023	Thực hiện năm 2024	Ước thực hiện năm 2025	Ước thực hiện NQĐH XIV	
	Tỷ lệ số xã, phường, thị trấn tại các huyện, thành phố được thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt	%	75,0	67,0	67,9	72,6	74,5	77,36	77,36	Vượt
IV	Các chỉ tiêu về xây dựng đảng và hệ thống chính trị (hàng năm)									
11	Đảng bộ trực thuộc tỉnh hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	%	>80	83,33	91,67	33,33	91,67	>80	71,66	Không đạt
	Tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	%	>90	92,62	94,01	91,31	96,54	>90	>90	Đạt
	Đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ	%	>90	95,83	95,84	95,65	96,58	>90	>90	Đạt
	Kết nạp đảng viên mới	Đảng viên	>1.000	1022	1003	1121	1.141	>1000	>1000	Đạt
	Tổ chức chính quyền cơ sở đạt từ khá trở lên	%	>80	85,85	84,91	65,1	> 80	> 80	> 80	Đạt
	MTTQ và đoàn thể CT-XH đạt từ tốt trở lên	%	>80	89,5	90,06	95,27	83,21	83,16	>80	Đạt

Ghi chú: Các chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới; Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo các huyện nghèo; Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung không đánh giá cả nhiệm kỳ do năm 2025 thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, bỏ cấp huyện, sắp xếp giảm số lượng xã.